

ĐỀ THI TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT – LỚP 4

VÒNG 1

Bài 1 : Trâu vàng uyên bác: (Điền chữ hoặc từ thích hợp)

Câu 1: Sự tích hồbể.

Câu 2: Đ.....àn kết.

Câu 3: Nhâ..... đạo.

Câu 4: Lá trà khô giữatrầu.

Câu 5: Dếbênh vực kẻ yếu.

Câu 6: Một cây làm chẳng nên

Câu 7: Nh..... n ái.

Câu 8: Ở gặp lành.

Câu 9: Nhânậu.

Câu 10: Thương người như thểthân.

Bài 2 : Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn. Nếu CHỌN đáp án em hãy click chuột vào ô tròn trước đáp án. Nếu ĐIỀN vào chỗ trống, em hãy ĐIỀN chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học, hoặc phép tính. Chú ý, phân số em ĐIỀN theo dạng a/b.Nếu là số thập phân em dùng dấu chấm, ví dụ 1.25 và sau khi làm xong 10 câu hỏi em ấn nút nộp bài.

Câu hỏi 1: Tiếng "ăn" có cấu tạo gồm những bộ phận nào ?

a/ âm đầu, vần ; b/ âm chính ; c/ âm đệm ; d/ âm chính, thanh điệu

Câu hỏi 2: Trong tiếng "hoàng" có âm đệm nào ?

a/ h ; b/ a ; c/ o ; d/ ng

Câu hỏi 3: Trong câu "Tháp Mười đẹp nhất bông sen." có mấy tiếng ?

a/ tám ; b/ ba ; c/ chín ; d/ sáu

Câu hỏi 4: Từ "Tiếng Việt" gồm có mấy dấu thanh ?

a/ năm ; b/ sáu ; c/ ba ; d/ bốn

Câu hỏi 5: Từ "má y vi tính" do mấy tiếng tạo thành ?

a/ ba ; b/ hai ; c/ bốn ; d/ một

Câu hỏi 6: Từ "Tiếng Việt" gồm có mấy thanh ?

a/ bốn ; b/ năm ; c/ sáu ; d/ bảy

Câu hỏi 7: Trong tiếng "tâm" có âm cuối là chữ nào ?

a/ â ; b/ t ; c/ m ; d/ âm

Câu hỏi 8: Thủy tộc là loài vật sống ở đâu ?

a/ trên trời ; b/ trên cây ; c/ trên mặt đất ; d/ dưới nước

Câu hỏi 9: Thuyền độc mộc là thuyền làm bằng vật liệu gì ?

a/ sắt ; b/ cây gỗ ; c/ xi măng ; d/ thép

Câu hỏi 10: Trong cấu tạo của tiếng không thể thiếu bộ phận nào ?

a/ âm chính, vần ; b/ vần, âm đầu ;
c/ âm chính, thanh điệu ; d/ âm đầu, âm chính

Bài 3 : Em hãy đọc kỹ câu hỏi và **ĐIỀN** vào chỗ trống hoặc **CHỌN 1** trong 4 đáp án cho sẵn. Nếu **CHỌN** đáp án em hãy click chuột vào ô tròn trước đáp án. Nếu **ĐIỀN** vào chỗ trống, em hãy **ĐIỀN** chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học, hoặc phép tính. Chú ý, phân số em **ĐIỀN** theo dạng a/b. Nếu là số thập phân em dùng dấu chấm, ví dụ 1.25 và sau khi làm xong 10 câu hỏi em ấn nút nộp bài.

Câu hỏi 1: Trong bài thơ "Nàng tiên Ốc" thì bà già đã nhặt được con ốc có vỏ màu biêng biếc .

Câu hỏi 2: Điền từ còn thiếu vào câu thơ: "Đường vô xứ Nghệ quanh quanh.

Non xanh ước biếc như tranh họa đồ".

Câu hỏi 3: Ở hiền gặp có nghĩa là khuyên người ta sống nhân hậu sẽ gặp điều tốt đẹp, may mắn.

Câu hỏi 4: Trái nghĩa với từ nhân hậu hoặc yêu thương là từ độc ác.

Câu hỏi 5: Từ "hoài" có âm đầu là h, vần là oai, vậy có thanh là thanh uyển.

Câu hỏi 6: Trái nghĩa với từ đùm bọc hoặc úp đờ là từ ức hiếp.

Câu hỏi 7: Hãy chỉ ra vần của tiếng "lành"? Vần của tiếng "lành" là .

Câu hỏi 8: Điền từ còn thiếu vào câu ca dao: "Anh em như thể chân tay.

Rách ành đùm bọc, dờ hay đờ đàn".

Câu hỏi 9: Bài thơ "Truyện cổ nước mình" do nhà thơ Lâm Thị Dạ viết.

Câu hỏi 10: Điền từ còn thiếu vào câu ca dao: "Khôn ngoan đối đáp người ngoài.

Gà cùng một mẹ chớ hoài nhau".

ĐÁP ÁN TRẠNG NGUYÊN 2015 – 2016 _ LỚP 4

VÒNG 1

Bài 1 : Trâu vàng uyên bác: (Điền chữ hoặc từ thích hợp)

Câu 1: Sự tích hồbể. (**ba**)

Câu 2: Đ.....àn kết. (**o**)

Câu 3: Nhâ..... đạo. (**n**)

Câu 4: Lá trâu khô giữatrâu. (**cơi**)

Câu 5: Dếbênh vực kẻ yếu. (**mèn**)

Câu 6: Một cây làm chẳng nên (**non**)

Câu 7: Nh..... n ái. (**â**)

Câu 8: Ở gặp lành. (**hiền**)

Câu 9: Nhânậu. (**h**)

Câu 10: Thương người như thểthân. (**thương**)

Bài 2 : Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn. Nếu CHỌN đáp án em hãy click chuột vào ô tròn trước đáp án. Nếu ĐIỀN vào chỗ trống, em hãy ĐIỀN chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học, hoặc phép tính. Chú ý, phân số em ĐIỀN theo dạng a/b. Nếu là số thập phân em dùng dấu chấm, ví dụ 1.25 và sau khi làm xong 10 câu hỏi em ấn nút nộp bài.

Câu hỏi 1: Tiếng "ăn" có cấu tạo gồm những bộ phận nào ?

a/ âm đầu, vần ; b/ âm chính ; c/ âm đệm ; d/ âm chính, thanh điệu

Câu hỏi 2: Trong tiếng "hoàng" có âm đệm nào ?

a/ h ; b/ a ; c/ o ; d/ ng

Câu hỏi 3: Trong câu "Tháp Mười đẹp nhất bông sen." có mấy tiếng ?

a/ tám ; b/ ba ; c/ chín ; d/ sáu

Câu hỏi 4: Từ "Tiếng Việt" gồm có mấy dấu thanh ?

a/ năm ; **b/ sáu** ; c/ ba ; d/ bốn

Câu hỏi 5: Từ "máy vi tính" do mấy tiếng tạo thành ?

a/ ba ; b/ hai ; c/ bốn ; d/ một

Câu hỏi 6: Từ "Tiếng Việt" gồm có mấy thanh ?

a/ bốn ; b/ năm ; **c/ sáu** ; d/ bảy

Câu hỏi 7: Trong tiếng "tâm" có âm cuối là chữ nào ?

a/ â ; b/ t ; **c/ m** ; d/ âm

Câu hỏi 8: Thủy tộc là loài vật sống ở đâu ?

a/ trên trời ; b/ trên cây ; c/ trên mặt đất ; **d/ dưới nước**

Câu hỏi 9: Thuyền độc mộc là thuyền làm bằng vật liệu gì ?

a/ sắt ; **b/ cây gỗ** ; c/ xi măng ; d/ thép

Câu hỏi 10: Trong cấu tạo của tiếng không thể thiếu bộ phận nào ?

a/ âm chính, vần ; b/ vần, âm đầu ; **c/ âm chính, thanh điệu** ;
d/ âm đầu, âm chính

Câu hỏi 1:

Trong bài thơ "Nàng tiên Ốc" thì bà già đã nhặt được con ốc có vỏ màu biêng biếc xanh .

Câu hỏi 2:

Điền từ còn thiếu vào câu thơ: "Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh n ước biếc như tranh họa đồ".

Câu hỏi 3:

Ở hiền gặp lành có nghĩa là khuyên người ta sống nhân hậu sẽ gặp điều tốt đẹp, may mắn.

Câu hỏi 4:

Trái nghĩa với từ nhân hậu hoặc yêu thương là từ độc ác c .

Câu hỏi 5:

Từ "hoài" có âm đầu là h, vần là oai, vậy có thanh là thanh h uyển.

Câu hỏi 6:

Trái nghĩa với từ dùm bọc hoặc gi úp đỡ là từ ức hiếp.

Câu hỏi 7:

Hãy chỉ ra vần của tiếng "lành"? Vần của tiếng "lành" là anh .

Câu hỏi 8:

Điền từ còn thiếu vào câu ca dao: "Anh em như thể chân tay
Rách l ành dùm bọc, đỡ hay đỡ đần".

Câu hỏi 9:

Bài thơ "Truyện cổ nước mình" do nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ viết.

Câu hỏi 10:

Điền từ còn thiếu vào câu ca dao: "Khôn ngoan đối đáp người ngoài
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau".

VÒNG 2

Bài 1: Chuột vàng tài ba. (Kéo ô vào giỏ chủ đề)



Từ đơn

- nóng
- phập phồng
- long lanh
- mưa
- lung linh
- nắng
- mưa phùn
- lạnh lùng
- rất xinh
- đôi

Từ ghép

- cái bàn này
- phập phồng
- long lanh
- mưa phùn
- nắng

- mưa phùn
- lạnh lùng
- rất xinh
- hoa hồng
- chạy thật nhanh

Từ láy

- cái bàn này
- phập phồng
- long lanh
- lung linh
- nắng
- mưa phùn
- lạnh lùng
- rất xinh
- hoa hồng
- chạy thật nhanh

Bài 2: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Từ "liêu xiêu" được gọi là từ láy gì?

- láy âm đầu
- láy vần
- láy âm, vần
- láy tiếng

Câu hỏi 2:

Trong các từ sau, từ nào là từ láy có tiếng "hiền"?

- hiền lành
- hiền hậu
- hiền hòa
- hiền dụ

Câu hỏi 3:

Từ "nhỏ nhoi" được phân loại là từ láy gì?

- láy âm đầu
- láy vần
- láy âm, vần
- láy tiếng

Câu hỏi 4:

Trong các từ sau, từ láy âm đầu là từ nào?

- xinh xinh
- lim dim
- làng nhàng
- bông bênh

Câu hỏi 5:

Trái nghĩa với từ "hiền lành"?

- vui tính
- độc ác
- hiền hậu
- đoàn kết

Câu hỏi 6:

Từ nào cùng nghĩa với từ "đoàn kết"?

- trung hậu
- vui sướng
- đùm bọc
- đôn hậu

Câu hỏi 7:

**Trong câu thơ sau có mấy từ phức: Mang theo truyện cổ tôi đi
Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa?**

- 3
- 2
- 6
- 4

Câu hỏi 8:

Từ nào cùng nghĩa với từ "nhân hậu"?

- nhân từ
- vui vẻ
- đoàn kết
- đùm bọc

Câu hỏi 9:

Trong các từ sau, từ nào là từ ghép?

- nhỏ nhắn
- nhỏ nhẹ
- nhỏ nòi
- nhỏ nhỏ

Câu hỏi 10:

Trong các từ sau, từ nào là từ ghép tổng hợp có tiếng "nhà"

- nhà máy
- nhà chung cư
- nhà trẻ
- nhà cửa

Bài 3: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Điền từ để tạo từ láy trong câu: Gió bắt đầu thổi ràoào.

Câu hỏi 2:

Điền từ để tạo từ láy trong câu: Một làn hơiè nhẹ tỏa trên mặt nước.

Câu hỏi 3:

Điền từ còn thiếu vào câu sau: Uống nướcớ nguồn.

Câu hỏi 4:

Bài thơ "Tre Việt Nam" do nhà thơ Nguyễn D..... viết.

Câu hỏi 5:

Điền từ còn thiếu vào đoạn thơ sau:

Loài tre đâu chịu mọc

Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường.

Câu hỏi 6:

Từ có hai tiếng có nghĩa tạo thành gọi là từép

Câu hỏi 7:

Điền từ còn thiếu vào đoạn thơ sau:

Tre xanh xanh tự bao giờ

Truyện ngày xưa đã có bờ xanh

Câu hỏi 8:

Ánh mặt trời chiếu xuống mặt nước hồ lấpánh

Câu hỏi 9:

**Điền từ để tạo từ láy trong câu: Phút yên tĩnh của rừng ban mai dần
.....àn biến mất.**

Câu hỏi 10:

Điền từ để tạo từ láy trong câu: Em bé rất ngoanoãn.

ĐÁP ÁN

Bài 1: Chuột vàng tài ba. (Kéo ô vào giỏ chủ đề)



Từ đơn

nóng
mưa
nắng
đôi

Từ ghép

mưa phùn
hoa hồng

Từ láy

phập phồng
long lanh
lung linh
lạnh lùng

Bài 2: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Từ "liêu xiêu" được gọi là từ láy gì?

láy âm đầu
láy vần
láy âm, vần

láy tiếng

Câu hỏi 2:

Trong các từ sau, từ nào là từ láy có tiếng "hiền"?

hiền lành

hiền hậu

hiền hòa

hiền dịu

Câu hỏi 3:

Từ "nhỏ nhoi" được phân loại là từ láy gì?

láy âm đầu

láy vần

láy âm, vần

láy tiếng

Câu hỏi 4:

Trong các từ sau, từ láy âm đầu là từ nào?

xinh xinh

lìm dim

làng nhàng

bồng bênh

Câu hỏi 5:

Trái nghĩa với từ "hiền lành"?

vui tính

độc ác

hiền hậu

đoàn kết

Câu hỏi 6:

Từ nào cùng nghĩa với từ "đoàn kết"?

trung hậu

vui sướng

đùm bọc

đôn hậu

Câu hỏi 7:

Trong câu thơ sau có mấy từ phức: Mang theo truyện cổ tôi đi

Nghe trong cuộc sống thắm thì tiếng xưa?

3

2

6

4

Câu hỏi 8:

Từ nào cùng nghĩa với từ "nhân hậu"?

nhân từ

vui vẻ

đoàn kết

đùm bọc

Câu hỏi 9:

Trong các từ sau, từ nào là từ ghép?

nhỏ nhắn

nhỏ nhẹ

nhỏ noi

nhỏ nhỏ

Câu hỏi 10:

Trong các từ sau, từ nào là từ ghép tổng hợp có tiếng "nhà"

nhà máy

nhà chung cư

nhà trẻ

nhà cửa

Bài 3: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Điền từ để tạo từ láy trong câu: Gió bắt đầu thổi ràoào.

r

Câu hỏi 2:

Điền từ để tạo từ láy trong câu: Một làn hơiè nhẹ tỏa trên mặt nước.

nh

Câu hỏi 3:

Điền từ còn thiếu vào câu sau: Uông nướcớ nguồn.

nh

Câu hỏi 4:

Bài thơ "Tre Việt Nam" do nhà thơ Nguyễn D..... viết.

u

Câu hỏi 5:

Điền từ còn thiếu vào đoạn thơ sau:

Loài tre đâu chịu mọc

Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường.

cong

Câu hỏi 6:

Từ có hai tiếng có nghĩa tạo thành gọi là từép

gh

Câu hỏi 7:

Điền từ còn thiếu vào đoạn thơ sau:

Tre xanh xanh tự bao giờ

Truyện ngày xưa đã có bờ xanh

tre

Câu hỏi 8:

Ánh mặt trời chiếu xuống mặt nước hồ lấpánh

l

Câu hỏi 9:

Điền từ để tạo từ láy trong câu: Phút yên tĩnh của rừng ban mai dần

.....ần biến mất.

d

Câu hỏi 10:

Điền từ để tạo từ láy trong câu: Em bé rất ngoanoãn.

ng

VÒNG 3

Bài 1: Phép thuật mèo con. (Tìm cặp tương ứng.)



Gian dối

Màu xanh

Lạnh lùng

Tim tím

Tự cao

Buổi sớm

Nhân ái

Màu đỏ

Đồng lòng

Tự trọng

Bài 2: Chuột vàng tài ba. (Kéo ô vào giỏ chủ đề.)



Láy âm đầu

- lủng củng
- chị em
- bố mẹ
- lăn tăn
- vui vẻ
- long lanh
- leng keng
- rung rinh
- chuyên
- lách cách

Giống vằn

- lủng củng
- chị em

- bố mẹ
- lẫn tẩn
- vui vẻ
- long lanh
- leng keng
- rung rinh
- chuyên
- lách cách

Từ láy vần

- lũng củng
- chị em
- bố mẹ
- lẫn tẩn
- vui vẻ
- long lanh
- thuyền
- rung rinh
- chuyên
- quyền

Bài 3: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Trong các từ sau, từ nào là từ láy?

- san sẻ
- sang sảng
- sang sông
- sản vật

Câu hỏi 2:

Từ nào là từ mà tiếng "trung" có nghĩa là "giữa"?

- trung thành
- trung hiếu
- trung thu

- trung nghĩa

Câu hỏi 3:

Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

- nhân ái
- nân ái
- nưư luyến
- dộn dàng

Câu hỏi 4:

Trong các từ sau, từ nào là từ láy?

- phó phờng
- lúng liếng
- vui tươi
- tình cảm

Câu hỏi 5:

Trong câu thơ "Hạt mưa mãi miết trôn tròn" sự vật nào được nhân hóa?

- trôn
- hạt
- mắt
- hạt mưa

Câu hỏi 6:

Từ nào cùng nghĩa với từ "trung thực"?

- trung thành
- thật thà
- trung thu
- trung hiếu

Câu hỏi 7:

Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

- núng niếng
- đậu lành
- biền biệt
- biệt tích

Câu hỏi 8:

Trong câu "Nhà ở vùng này phần lớn làm bằng gỗ xoan." Bộ phận nào trả lời cho câu hỏi "bằng gì?"

- bằng gỗ xoan
- gỗ
- phần lớn gỗ xoan
- xoan

Câu hỏi 9:

Từ nào trái nghĩa với từ "trung thực"?

- trung thu
- trung nghĩa
- giả dối
- trung hòa

Câu hỏi 10:

Trong các từ sau, từ nào là danh từ chỉ hiện tượng?

- hoa hồng
- sấm chớp
- sách vở
- cô giáo

ĐÁP ÁN

Bài 1: Phép thuật mèo con. (Tìm cặp tương ứng.)



Gian dối

lừa đảo

Màu xanh

xanh biếc

Lạnh lùng

lạnh lẽo

Tim tím

màu tím

Tự cao

tự kiêu

Buổi sớm

bình minh

Nhân ái

nhân hậu

Màu đỏ

đỏ đỏ

Đồng lòng

đoàn kết

Tự trọng

tự tin

Bài 2: Chuột vàng tài ba. (Kéo ô vào giỏ chủ đề.)



Láy âm đầu

vui vẻ
long lanh
rung rinh

Giống vắn

lùng củng
lăn tăn
leng keng
lách cách

Từ láy vắn

thuyền
rung rinh
chuyên
quyền

Bài 3: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Trong các từ sau, từ nào là từ láy?

san sẻ

sang sảng

sang sông

sản vật

Câu hỏi 2:

Từ nào là từ mà tiếng "trung" có nghĩa là "giữa"?

trung thành

trung hiếu

trung thu

trung nghĩa

Câu hỏi 3:

Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

nhân ái

nân ái

nưn luyên

dộn dàng

Câu hỏi 4:

Trong các từ sau, từ nào là từ láy?

phổ phường

lúng liếng

vui tươi

ình cảm

Câu hỏi 5:

Trong câu thơ "Hạt mưa mãi miết trốn tìm" sự vật nào được nhân hóa?

trốn

hạt

mắt

hạt mưa

Câu hỏi 6:

Từ nào cùng nghĩa với từ "trung thực"?

trung thành

thật thà

trung thu

trung hiếu

Câu hỏi 7:

Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

núng niếng

đậu lành

biền biệt

biệt tích

Câu hỏi 8:

Trong câu "Nhà ở vùng này phần lớn làm bằng gỗ xoan." Bộ phận nào trả lời cho câu hỏi "bằng gì?"

bằng gỗ xoan

gỗ

phần lớn gỗ xoan

xoan

Câu hỏi 9:

Từ nào trái nghĩa với từ "trung thực"?

trung thu

trung nghĩa

giả dối

trung hòa

Câu hỏi 10:

Trong các từ sau, từ nào là danh từ chỉ hiện tượng?

hoa hồng

sấm chớp

sách vở

cô giáo

VÒNG 4

Bài 1 : Phép thuật mèo con: (Tìm cặp tương ứng)



Bài 2 : Em hãy đọc kỹ câu hỏi và **ĐIỀN** vào chỗ trống hoặc **CHỌN 1** trong 4 đáp án cho sẵn. Nếu **CHỌN** đáp án em hãy click chuột vào ô tròn trước đáp án. Nếu **ĐIỀN** vào chỗ trống, em hãy **ĐIỀN** chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học, hoặc phép tính. Chú ý, phân số em **ĐIỀN** theo dạng a/b. Nếu là số thập phân em dùng dấu chấm, ví dụ 1.25 và sau khi làm xong 10 câu hỏi em ấn nút nộp bài.

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả ?

a/ trưa hè ; b/ bữa trưa ; c/ bữa chưa ; d/ trời chưa
mưa

Câu hỏi 2: Trong bài tập đọc "Trung thu độc lập" anh chiến sĩ đã nghĩ tới ai khi đứng gác trong đêm Trung thu ?

a/ các em ; b/ ông nội ; c/ bà nội ; d/ bố mẹ

Câu hỏi 3: Trong các thành phố miền Trung sau, thành phố nào là cổ đô của nước Việt Nam ?

a/ Quảng Trị ; b/ Huế ; c/ Quảng Nam ; d/ Đà Nẵng

Câu hỏi 4: Trong các thành phố sau, thành phố nào là thủ đô của nước Việt Nam ?

a/ Hà Nội ; b/ Ninh Bình ; c/ Hà Nam ; d/ Hà Tây

Câu hỏi 5: Trong các thành phố sau, thành phố nào được gọi là thành phố hoa phượng đỏ ?

a/ Quảng Bình ; b/ Hạ Long ; c/ Hòa Bình ; d/ Hải Phòng

Câu hỏi 6: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả ?

a/ buồng cau ; b/ buồng ngủ ; c/ buồng chuối ; d/ buồng rầu

Câu hỏi 7: Trong các từ sau, từ nào là động từ ?

a/ uống nước ; b/ nước biển ; c/ nước mưa ; d/ nước giếng

Câu hỏi 8: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả ?

a/ chung gian ; b/ trung gian ; c/ trung thực ; d/ trung thu

Câu hỏi 9: Trong các từ sau, từ nào viết đúng tên riêng nước ngoài ?

a/ Tô-Ki-Ô ; b/ Tô Ki Ô ; c/ Tô-ki-ô ; d/ Tô ki ô

Câu hỏi 10: Trong các từ sau, từ nào viết đúng tên riêng nước ngoài ?

a/ Nhật bản ; b/ Nhật Bản ; c/ Anbe anhxtanh ; d/ Ba lan

Bài 3 : Em hãy đọc kỹ câu hỏi và **ĐIỀN** vào chỗ trống hoặc **CHỌN 1** trong 4 đáp án cho sẵn. Nếu **CHỌN** đáp án em hãy click chuột vào ô tròn trước đáp án. Nếu **ĐIỀN** vào chỗ trống, em hãy **ĐIỀN** chữ cái, từ,

số, ký hiệu toán học, hoặc phép tính. Chú ý, phân số em ĐIỀN theo dạng a/b. Nếu là số thập phân em dùng dấu chấm, ví dụ 1.25 và sau khi làm xong 10 câu hỏi em ấn nút nộp bài.

Câu hỏi 1:

Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu: muôn màu,uôn vẽ

Câu hỏi 2:

Điền từ còn thiếu vào câu thơ trong bài thơ Nếu chúng mình có phép lạ:
"Nếu chúng mình có phép lạ. Hái triệu vì xuống chơi".

Câu hỏi 3:

Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu:ớp đồng nhay nháy, gà gáy thì mưa.

Câu hỏi 4:

Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu: nướcây đá mòn

Câu hỏi 5:

Điền vẫn còn thiếu vào câu thơ trong bài thơ Nếu chúng mình có phép lạ:
"Nếu chúng mình có phép lạ. Bắp hạt giống nảy mầm nh.....".

Câu hỏi 6:

Điền từ còn thiếu vào câu thơ trong bài thơ Nếu chúng mình có phép lạ:
"Nếu chúng mình có phép lạ. Ngủ dậy thành ngườiớn ngay".

Câu hỏi 7:

Điền từ còn thiếu vào câu thơ trong bài "Lượm" của nhà thơ Tố Hữu: "Cái chân thoăn thoắt. Cái đầuênh nghênh".

Câu hỏi 8:

Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu: Chuột chạy có bày, chim có bạn.

Câu hỏi 9:

Điền vẫn còn thiếu vào chỗ trống trong câu: Trong rừng, chim chóc, m.... thú sống vui vẻ.

Câu hỏi 10:

Điền từ vào câu thơ trong bài "Lượm" của nhà thơ Tố Hữu: "Chú bé loắt choắt. Cáiắc xinh xinh".

ĐÁP ÁN

Bài 1 : Phép thuật mèo con: (Tìm cặp tương ứng)



Học trò = học sinh ; hạt đậu phộng = hạt lạc ; tàu hỏa = xe lửa ; trung thực = thật thà ; hạt thóc = hạt lúa ; thông thái = thông minh ; phép màu = phép lạ ; Thánh Gióng = Phù Đổng Thiên Vương ; nhà vua = quốc vương ; đất nước = giang sơn.

Câu hỏi 1:

Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả ?

- trưa hè bữa trưa bữa chưa trời chưa mưa

Câu hỏi 2:

Trong bài tập đọc "Trung thu độc lập" anh chiến sĩ đã nghĩ tới ai khi đứng gác trong đêm Trung thu ?

- các em ông nội bà nội bố mẹ

Câu hỏi 3:

Trong các thành phố miền Trung sau, thành phố nào là cố đô của nước Việt Nam ?

- Quảng Trị Huế Quảng Nam Đà Nẵng

Câu hỏi 4:

Trong các thành phố sau, thành phố nào là thủ đô của nước Việt Nam ?

- Hà Nội Ninh Bình Hà Nam Hà Tây

Câu hỏi 5:

Trong các thành phố sau, thành phố nào được gọi là thành phố hoa phượng đỏ ?

- Quảng Bình Hạ Long Hòa Bình Hải Phòng

Câu hỏi 6:

Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả ?

- buống cau buống ngũ buống chuối buống rầu

Câu hỏi 7:

Trong các từ sau, từ nào là động từ ?

- uống nước nước biển nước mưa nước giếng

Câu hỏi 8:

Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả ?

- chung gian trung gian trung thực trung thu

Câu hỏi 9:

Trong các từ sau, từ nào viết đúng tên riêng nước ngoài ?

- Tô-Ki-Ô Tô Ki Ô Tô-ki-ô Tô ki ô

Câu hỏi 10:

Trong các từ sau, từ nào viết đúng tên riêng nước ngoài ?

- Nhật bản Nhật Bản Anbe anhxtanh Ba lan

10/10

Câu hỏi 1:

Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu: muôn màu, _____ m _____ uôn về

Câu hỏi 2:

Điền từ còn thiếu vào câu thơ trong bài thơ Nếu chúng mình có phép lạ: "Nếu chúng mình có phép lạ. Hái triệu vì _____ sao _____ xuống chơi".

Câu hỏi 3:

Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu: _____ Chớp _____ ớp dông nhay nháy, gà gáy thì mưa.

Câu hỏi 4:

Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu: nước _____ ch _____ ấy đá mòn

Câu hỏi 5:

Điền vẫn còn thiếu vào câu thơ trong bài thơ Nếu chúng mình có phép lạ: "Nếu chúng mình có phép lạ. Bắt hạt giống nảy mầm nh _____ anh _____".

Câu hỏi 6:

Điền từ còn thiếu vào câu thơ trong bài thơ Nếu chúng mình có phép lạ: "Nếu chúng mình có phép lạ. Ngủ dậy thành người _____ I _____ ớn ngay".

Câu hỏi 7:

Điền từ còn thiếu vào câu thơ trong bài "Lượm" của nhà thơ Tố Hữu: "Cái chân thoăn thoắt. Cái đầu _____ ngh _____ ênh nghênh".

Câu hỏi 8:

Điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong câu: Chuột chạy có bầy, chim _____ bay _____ có bạn.

Câu hỏi 9:

Điền vẫn còn thiếu vào chỗ trống trong câu: Trong rừng, chim chóc, m _____ uông _____ thú sống vui vẻ.

Câu hỏi 10:

Điền từ vào câu thơ trong bài "Lượm" của nhà thơ Tố Hữu: "Chú bé loắt choắt. Cái _____ x _____ ắc xinh xinh".

(Câu 3 : ch)

VÒNG 5

Bài 1: Chuột vàng tài ba. (Kéo ô vào giỏ chủ đề.)



Tính từ

- đẩy
- béo
- anh ấy
- lo lắng
- hồi hộp
- làm giàu
- sợ
- do dự
- dũng cảm
- hiền lành

Động từ chỉ trạng thái

- đẩy
- béo
- anh ấy
- lo lắng
- hồi hộp

- làm giàu
- sợ
- do dự
- dũng cảm
- chạy

Động từ chỉ hoạt động

- đẩy
- béo
- anh ấy
- lo lắng
- hôi hạp
- làm giàu
- sợ
- do dự
- dũng cảm
- chạy

Bài 2: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Người đàn ông làm nghề đốn củi trong rừng gọi là gì?

- phú ông
- kiếm lâm
- tiều phu
- lâm tặc

Câu hỏi 2:

Trong các từ sau, từ nào là tính từ?

- cây cối
- sông suối
- núi non
- rậm rạp

Câu hỏi 3:

Trong các từ sau, từ nào là từ láy?

- lòng thành
- lòng vòng
- bèn lòng
- ngã lòng

Câu hỏi 4:

Trái nghĩa với "trung thành" là từ nào?

- cái phản
- phản công
- phản pháo
- phản bội

Câu hỏi 5:

Ánh trắng chiếu sáng một vùng núi rừng được gọi là gì?

- trắng xanh
- trắng ngàn
- trắng núi
- trắng nước

Câu hỏi 6:

Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

- dũi do
- rại rột
- nòng rần
- rũi ro

Câu hỏi 7:

Nơi bộ đội đóng quân gọi là gì?

- doanh trại
- doanh nhân
- doanh nghiệp
- kinh doanh

Câu hỏi 8:

Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

- trảy xiết
- Trường Sơn

- đĩa xôi
- chảy xiết

Câu hỏi 9:

Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

- sồn lòng
- bông xúng
- bông súng
- dòng sông

Câu hỏi 10:

Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

- thí nghiệm
- kiên cường
- thí nghiệm
- xòn lòng

Bài 3: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Các từ: hoa hồng, lá me, cỏ mào gà, cây bàng, con mèo, con chuột, con chim đều thuộc nhóm từép.

Câu hỏi 2:

Động từ chỉạng thái là những động từ như: vui, buồn, giận, lo lắng, sợ hãi.

Câu hỏi 3:

Điền vào chỗ trống vẫn phù hợp để hoàn thành thành ngữ sau: Được voi đòi t.....

Câu hỏi 4:

Các từ: hoa, lá, cỏ, cây, mèo, chuột, chim đều thuộc nhóm từơn.

Câu hỏi 5:

Điền vào chỗ trống vắn phù hợp để hoàn thành thành ngữ: Mong như m..... mẹ về chợ.

Câu hỏi 6:

Các từ: vất vả, tre trẻ, khéo léo, sóng sánh đều thuộc nhóm từ

Câu hỏi 7:

Điền vào chỗ trống chữ cái phù hợp để hoàn thành câu: Ănóc học hay.

Câu hỏi 8:

Động từ chỉ hoạt độ..... là những từ như: ăn, uống, chạy, nhảy, hát.

Câu hỏi 9:

Điền vào chỗ trống chữ phù hợp để hoàn thành câu: Cóí thì nên.

Câu hỏi 10:

Điền vào chỗ trống chữ phù hợp để hoàn thành câu: Ăn trông nôi,ôi trông hướng.

ĐÁP ÁN

Bài 1: Chuột vàng tài ba. (Kéo ô vào giỏ chủ đề.)



Tính từ

béo
dũng cảm
hiền lành

Động từ chỉ trạng thái

lo lắng
hồi hộp
sợ
do dự

Động từ chỉ hoạt động

đẩy
làm giàu
chạy

Bài 2: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Người đàn ông làm nghề đốn củi trong rừng gọi là gì?

phú ông
kiếm lâm

tiền phu
lâm tặc

Câu hỏi 2:

Trong các từ sau, từ nào là tính từ?

cây cối
sông suối
núi non
rậm rạp

Câu hỏi 3:

Trong các từ sau, từ nào là từ láy?

lòng thành
lòng vòng
bền lòng
ngã lòng

Câu hỏi 4:

Trái nghĩa với "trung thành" là từ nào?

cái phản
phản công
phản pháo
phản bội

Câu hỏi 5:

Ánh trăng chiếu sáng một vùng núi rừng được gọi là gì?

trăng xanh
trăng ngàn
trăng núi
trăng nước

Câu hỏi 6:

Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

dủi do
rại rột
nồng rần
rủi ro

Câu hỏi 7:

Nơi bộ đội đóng quân gọi là gì?

doanh trại
doanh nhân

doanh nghiệp
kinh doanh

Câu hỏi 8:

Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

trảy xiết

Trường Sơn

đĩa xôi

chảy xiết

Câu hỏi 9:

Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

sờn lòng

bồng xúng

bồng súng

dòng sông

Câu hỏi 10:

Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

thí nghiệm

kiêng cường

thí nghiệm

xờn lòng

Bài 3: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Các từ: hoa hồng, lá me, cỏ mào gà, cây bàng, con mèo, con chuột, con chim đều thuộc nhóm từép.

gh

Câu hỏi 2:

Động từ chỉạng thái là những động từ như: vui, buồn, giận, lo lắng, sợ hãi.

tr

Câu hỏi 3:

Điền vào chỗ trống vẫn phù hợp để hoàn thành thành ngữ sau: Được voi đòi t.....

iên

Câu hỏi 4:

**Các từ: hoa, lá, cỏ, cây, mèo, chuột, chim đều thuộc nhóm từơn.
đ**

Câu hỏi 5:

**Điền vào chỗ trống vần phù hợp để hoàn thành thành ngữ: Mong như
m..... mẹ về chợ.
ong**

Câu hỏi 6:

**Các từ: vất vả, tre trẻ, khéo léo, sóng sánh đều thuộc nhóm từ
láy**

Câu hỏi 7:

**Điền vào chỗ trống chữ cái phù hợp để hoàn thành câu: Ănóc học
hay.
v**

Câu hỏi 8:

**Động từ chỉ hoạt độ..... là những từ như: ăn, uống, chạy, nhảy, hát.
ng**

Câu hỏi 9:

**Điền vào chỗ trống chữ phù hợp để hoàn thành câu: Cóí thì nên.
ch**

Câu hỏi 10:

**Điền vào chỗ trống chữ phù hợp để hoàn thành câu: Ăn trông nôi,
.....ôi trông hướng.
ng**

VÒNG 6

Bài 1: Trâu vàng uyên bác. (Điền chữ hoặc từ thích hợp.)

Sự tích hồ bể.

Chó mèo đậy.

Cưa gỗ thì dè, cưa thì đỡ.

Chim có tổ, người có

Lời chào cao hơn cổ.

Công nghĩa mẹ.

Thân ưa nặng.

Ba chích chòe.

Tắc tắc vàng.

Nhất nước nhì phân tam tứ giống.

Bài 2: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Cụm từ "phía trên dải dề" trong câu: "Phía trên dải dề, đàn trâu tung tăng gập cổ." là thành phần gì trong câu?

- chủ ngữ

- vị ngữ
- đại từ
- trạng ngữ

Câu hỏi 2:

Bài đọc "Ông trạng thả diều" là nói đến vị trạng nguyên nào?

- Nguyễn Hiền
- Nguyễn Trãi
- Mạc Đĩnh Chi
- Trạng Quỳnh

Câu hỏi 3:

Tiếng "yêu" gồm những bộ phận nào?

- vần
- âm đầu
- vần và thanh
- vần, âm đầu

Câu hỏi 4:

Từ "quyết định" trong câu: "Quyết định đó làm tôi vui sướng." là từ loại gì?

- danh từ
- động từ
- tính từ
- đại từ

Câu hỏi 5:

Trong các từ sau, từ nào không phải từ láy?

- sóng sánh
- sơ sinh
- sơ sài
- sòng sọc

Câu hỏi 6:

Câu "Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới." có mấy từ láy?

- 1 từ láy
- 2 từ láy

- 3 từ láy
- 4 từ láy

Câu hỏi 7:

Trong các từ sau, từ nào là danh từ chung chỉ người?

- Tây Bắc
- Hồng Bàng
- cô đơn
- cô giáo

Câu hỏi 8:

Từ "thông minh" trong câu "Nguyễn Bảo là một cậu bé thông minh." là từ loại gì?

- tính từ
- danh từ
- động từ
- trạng từ

Câu hỏi 9:

Vị Trạng nguyên nào được gọi là Trạng Trình?

- Nguyễn Bình Khiêm
- Nguyễn Dữ
- Nguyễn Trãi
- Nguyễn Hiền

Câu hỏi 10:

Trong các từ sau, từ nào là tính từ?

- dịu dàng
- mùa đông
- đánh đập
- bánh đa

Bài 3: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Điền vào chỗ trống từ phù hợp để hoàn thành câu. Tên những chiếc tàu của Bạch Thái Bưởi đều mang tên của những vật, địa danh lịch sử của dân tộc Việt Nam.

Câu hỏi 2:

Điền vào chỗ trống chữ phù hợp để hoàn thành câu. Tí..... tiểu thành đại.

Câu hỏi 3:

Điền vào chỗ trống chữ phù hợp để hoàn thành câu: Từ "sơ sinh" thuộc loại từép.

Câu hỏi 4:

Điền vào chỗ trống từ phù hợp để hoàn thành câu. Người đỗ đầu kì thi cao nhất thời xưa gọi là trạng

Câu hỏi 5:

Điền vào chỗ trống từ phù hợp để hoàn thành câu. Không có việc gì Chỉ sợ lòng không bền. Đào núi và lấp biển. Quyết chí ắt làm nên.

Câu hỏi 6:

Từ "chăm chỉ" trong câu "Huy là học sinh chăm chỉ nhất lớp" được gọi làính từ.

Câu hỏi 7:

Điền vào chỗ trống chữ cái phù hợp để hoàn thành câu. Đi một ngày đàng học mộtàng khôn.

Câu hỏi 8:

Từ "cổ kính" trong câu "Thành phố có những ngôi nhà cổ kính" được gọi là tính

Câu hỏi 9:

**Điền vào chỗ trống tiếng phù hợp để hoàn thành câu. Lửa thử vàng,
Gian thử sức.**

Câu hỏi 10:

**Điền vào chỗ trống. "Vua tàu thủy" Bạch Thái Bưởi là người rất có
.....í.**

ĐÁP ÁN

Bài 1: Trâu vàng uyên bác. (Điền chữ hoặc từ thích hợp.)

Sự tích hồ bể.

ba

Chó mèo đậy.

treo

Cưa gỗ thì dè, cưa thì đỡ.

tre

Chim có tổ, người có

tông

Lời chào cao hơn cổ.

mâm

Công nghĩa mẹ.

cha

Thân ưa nặng.

lừa

Ba chích chòe.

hoa

Tác tác vàng.

đất

Nhất nước nhì phân tam tứ giống.

cần

Bài 2: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Cụm từ "phía trên dải dề" trong câu: "Phía trên dải dề, dàn trâu tung tưng gặp cỏ." là thành phần gì trong câu?

chủ ngữ

vị ngữ

đại từ
trạng ngữ

Câu hỏi 2:

Bài đọc "Ông trạng thả diều" là nói đến vị trạng nguyên nào?

Nguyễn Hiền

Nguyễn Trãi

Mạc Đĩnh Chi

Trạng Quỳnh

Câu hỏi 3:

Tiếng "yêu" gồm những bộ phận nào?

vần

âm đầu

vần và thanh

vần, âm đầu

Câu hỏi 4:

Từ "quyết định" trong câu: "Quyết định đó làm tôi vui sướng." là từ loại gì?

danh từ

động từ

tính từ

đại từ

Câu hỏi 5:

Trong các từ sau, từ nào không phải từ láy?

sóng sánh

sơ sinh

sơ sài

sòng sọc

Câu hỏi 6:

Câu "Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới." có mấy từ láy?

1 từ láy

2 từ láy

3 từ láy

4 từ láy

Câu hỏi 7:

Trong các từ sau, từ nào là danh từ chung chỉ người?

Tây Bắc

Hồng Bàng

cô đơn

cô giáo

Câu hỏi 8:

Từ "thông minh" trong câu "Nguyên Bảo là một cậu bé thông minh." là từ loại gì?

tính từ

danh từ

động từ

trạng từ

Câu hỏi 9:

Vị Trạng nguyên nào được gọi là Trạng Trình?

Nguyễn Bình Khiêm

Nguyễn Dữ

Nguyễn Trãi

Nguyễn Hiền

Câu hỏi 10:

Trong các từ sau, từ nào là tính từ?

dịu dàng

mùa đông

đánh đập

bánh đa

Bài 3: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Điền vào chỗ trống từ phù hợp để hoàn thành câu. Tên những chiếc tàu của Bạch Thái Bưởi đều mang tên của những vật, địa danh lịch sử của dân tộc Việt Nam.

nhân

Câu hỏi 2:

Điền vào chỗ trống chữ phù hợp để hoàn thành câu. Tí..... tiểu thành đại.

ch

Câu hỏi 3:

Điền vào chỗ trống chữ phù hợp để hoàn thành câu: Từ "sơ sinh" thuộc loại từép.

gh

Câu hỏi 4:

Điền vào chỗ trống từ phù hợp để hoàn thành câu. Người đổ dầu kì thi cao nhất thời xưa gọi là trạng

nguyên

Câu hỏi 5:

Điền vào chỗ trống từ phù hợp để hoàn thành câu. Không có việc gì Chỉ sợ lòng không bền. Đào núi và lấp biển. Quyết chí ắt làm nên.

khó

Câu hỏi 6:

Từ "chăm chỉ" trong câu "Huy là học sinh chăm chỉ nhất lớp" được gọi làính từ.

t

Câu hỏi 7:

Điền vào chỗ trống chữ cái phù hợp để hoàn thành câu. Đi một ngày đàng học mộtàng khôn.

s

Câu hỏi 8:

Từ "cổ kính" trong câu "Thành phố có những ngôi nhà cổ kính" được gọi là tính

từ

Câu hỏi 9:

Điền vào chỗ trống tiếng phù hợp để hoàn thành câu. Lửa thử vàng. Gian thử sức.

nan

Câu hỏi 10:

Điền vào chỗ trống. "Vua tầu thủy" Bạch Thái Bưởi là người rất có

ch

VÒNG 7

Bài 1: Phép thuật mèo con. (Cộn cặp tương ứng - cặp đôi)



Kim Tự Tháp

Trần Tế Xương

Lương Thế Vinh

Bạch Thái Bưởi

Bà Chúa thơ Nôm

Lê Văn Hưu

Hồ Núi Cốc

Nguyễn Khuyến

Hồ Ba Bể

Đặng La Ma

Bài 2: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Từ nào trong các từ sau chỉ sự chắc chắn, bền vững, khó phá vỡ?

- quyết chí
- kiên trì
- kiên cố
- kiên nhẫn

Câu hỏi 2:

Trong các từ sau, từ nào trái nghĩa với từ "ý chí"?

- quyết chí
- nản chí
- quyết tâm
- kiên nhẫn

Câu hỏi 3:

Trong các từ sau, từ nào khác loại với các từ còn lại?

- ước mơ
- khát vọng
- mong muốn
- chán nản

Câu hỏi 4:

Trong các tiếng sau, tiếng nào không thể kết hợp với tiếng "ước" để thành từ có nghĩa?

- mơ
- ao

- vọng
- khát

Câu hỏi 5:

Làm việc liên tục, bền bỉ được gọi là gì?

- kiên trì
- kiên trung
- kiên cố
- kiên tâm

Câu hỏi 6:

Trong các từ sau, từ nào trái nghĩa với từ "vội vã"?

- nhanh chóng
- nhanh nhẹn
- vội vàng
- chậm chạp

Câu hỏi 7:

Trong các từ sau, từ nào có chứa tiếng "chí" với ý nghĩa là ý muốn bền bỉ, theo đuổi một mục đích?

- chí khí
- chí tình
- chí công
- chí lí

Câu hỏi 8:

Tìm tính từ trong câu: Dòng sông hiền hòa uốn quanh đồng lúa.

- dòng sông
- hiền hòa
- uốn quanh
- đồng lúa

Câu hỏi 9:

Trong các tiếng sau, tiếng nào không thể kết hợp với tiếng "chí" để thành từ có nghĩa?

- khí
- hoa

- hướng
- quyết

Câu hỏi 10:

Trong các từ sau, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại?

- khó khăn
- gian khổ
- thanh nhân
- gian lao

Bài 3: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Điền vào chỗ trống từ phù hợp để hoàn thành câu: Vì chú bé đất quyết định trở thành chú đất nung?

Câu hỏi 2:

Điền vào chỗ trống chữ cái phù hợp để hoàn thành câu: Lửa thử vàng, gian nan thửức.

Câu hỏi 3:

Điền vào chỗ trống chữ cái phù hợp để hoàn thành câu. Ném mật, nằmai.

Câu hỏi 4:

Điền vào chỗ trống chữ cái phù hợp để hoàn thành câu. Há miệng chờung.

Câu hỏi 5:

Điền vào chỗ trống chữ cái phù hợp để hoàn thành câu. Thuở nhỏ, Cao Bá Quát viết chữ rấtấu.

Câu hỏi 6:

Điền vào chỗ trống chữ phù hợp để hoàn thành câu. Suốt mười mấy ngày đầu, thầy Vê-rô-ki-ô chỉ cho Lê-ô-nác-đô vẽứng.

Câu hỏi 7:

Điền vào chỗ trống từ phù hợp để hoàn thành câu. Từ nhỏ, Xi-ôn-cốp-xki đã mơ ước được lên bầu trời.

Câu hỏi 8:

Điền vào chỗ trống chữ cái phù hợp để hoàn thành câu: Nguyễn Ngọc Ký là một thiếu niên giàu nghị lực. Bị liệt cả hai tay, em buồn nhưng không ăn chí.

Câu hỏi 9:

Điền vào chỗ trống chữ cái phù hợp để hoàn thành câu. Thuốc đắngã tật, sự thật mất lòng.

Câu hỏi 10:

Điền vào chỗ trống chữ cái phù hợp để hoàn thành câu: Có làm thì mới có ăn. Khôngung ai để đem phần đến cho.

ĐÁP ÁN

Bài 1: Phép thuật mèo con. (Cộn cặp tương ứng - cặp đôi)



Kim Tự Tháp

Ai Cập

Trần Tế Xương

Tú Xương

Lương Thế Vinh

Trạng Lường

Bạch Thái Bưởi

vua tàu thủy

Bà Chúa thơ Nôm

Hồ Xuân Hương

Lê Văn Hưu

Bảng nhãn

Hồ Núi Cốc

Thái Nguyên

Nguyễn Khuyến

tam nguyên

Hồ Ba Bể

Bắc Cạn

Đặng La Ma

Thám hoa

Bài 2: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Từ nào trong các từ sau chỉ sự chắc chắn, bền vững, khó phá vỡ?

quyết chí

kiên trì

kiên cố

kiên nhẫn

Câu hỏi 2:

Trong các từ sau, từ nào trái nghĩa với từ "ý chí"?

quyết chí

nản chí

quyết tâm

kiên nhẫn

Câu hỏi 3:

Trong các từ sau, từ nào khác loại với các từ còn lại?

ước mơ

khát vọng

mong muốn

chán nản

Câu hỏi 4:

Trong các tiếng sau, tiếng nào không thể kết hợp với tiếng "ước" để thành từ có nghĩa?

mơ

ao

vọng

khát

Câu hỏi 5:

Làm việc liên tục, bền bỉ được gọi là gì?

kiên trì

kiên trung
kiên cố
kiên tâm

Câu hỏi 6:

Trong các từ sau, từ nào trái nghĩa với từ "vội vã"?

nhanh chóng
nhanh nhẹn
vội vàng
chậm chạp

Câu hỏi 7:

Trong các từ sau, từ nào có chứa tiếng "chí" với ý nghĩa là ý muốn bền bỉ, theo đuổi một mục đích?

chí khí
chí tình
chí công
chí lí

Câu hỏi 8:

Tìm tính từ trong câu: Dòng sông hiền hòa uốn quanh đồng lúa.

dòng sông
hiền hòa
uốn quanh
đồng lúa

Câu hỏi 9:

Trong các tiếng sau, tiếng nào không thể kết hợp với tiếng "chí" để thành từ có nghĩa?

khí
hoa
hướng
quyết

Câu hỏi 10:

Trong các từ sau, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại?

khó khăn
gian khổ
thanh nhàn
gian lao

Bài 3: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Điền vào chỗ trống từ phù hợp để hoàn thành câu: Vì chú bé đất quyết định trở thành chú đất nung?

sao

Câu hỏi 2:

Điền vào chỗ trống chữ cái phù hợp để hoàn thành câu: Lửa thử vàng, gian nan thửức.

s

Câu hỏi 3:

Điền vào chỗ trống chữ cái phù hợp để hoàn thành câu. Ném mật, nằmai.

g

Câu hỏi 4:

Điền vào chỗ trống chữ cái phù hợp để hoàn thành câu. Há miệng chờung.

s

Câu hỏi 5:

Điền vào chỗ trống chữ cái phù hợp để hoàn thành câu. Thuở nhỏ, Cao Bá Quát viết chữ rấtấu.

x

Câu hỏi 6:

Điền vào chỗ trống chữ phù hợp để hoàn thành câu. Suốt mười mấy ngày đầu, thầy Vê-rô-ki-ô chỉ cho Lê-ô-nác-đô vẽứng.

tr

Câu hỏi 7:

Điền vào chỗ trống từ phù hợp để hoàn thành câu. Từ nhỏ, Xi-ôn-cốp-xki đã mơ ước được lên bầu trời.

bay

Câu hỏi 8:

Điền vào chỗ trống chữ cái phù hợp để hoàn thành câu: Nguyễn Ngọc Ký là một thiếu niên giàu nghị lực. Bị liệt cả hai tay, em buồn nhưng khôngăn chí.

n

Câu hỏi 9:

**Điền vào chỗ trống chữ cái phù hợp để hoàn thành câu. Thuốc đắng
.....ã tật, sự thật mất lòng.**
d

Câu hỏi 10:

**Điền vào chỗ trống chữ cái phù hợp để hoàn thành câu: Có làm thì mới
có ăn. Khôngung ai để đem phần đến cho.**
d

VÒNG 8

Bài 1: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN từ thích hợp vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Bộ phận chủ ngữ trong câu "Mẹ nấu chè hạt sen." là?

- Mẹ
- mẹ nấu
- mẹ nấu chè
- hạt sen

Câu hỏi 2:

Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

- giấc ngủ
- lạc đồ
- giải nhất
- cát giầu

Câu hỏi 3:

Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

- ngoằn nghèo
- ngoằn ngoè
- khúc khu
- treo leo

Câu hỏi 4:

Trong câu "Bầu trời đêm là tấm thảm nhung đính chi chít sao kim cương." sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

- so sánh
- nhân hóa
- điệp từ
- nhân hóa, so sánh

Câu hỏi 5:

Từ nào đồng nghĩa với từ "vàng hoe" trong câu "Nắng phố huyện vàng hoe."?

- vàng nhạt

- vàng mười
- vàng mã
- vàng thau

Câu hỏi 6:

Tìm từ trái nghĩa với từ "đứng" để tạo câu thành ngữ "Kẻ đứng người ..."

- nằm
- ngồi
- chạy
- ăn

Câu hỏi 7:

Khoảng trống được đào sâu xuống lòng đất để lấy nước dùng trong sinh hoạt gọi là?

- suối
- sông
- ngòi
- giếng

Câu hỏi 8:

Dùng câu hỏi trong câu "Em có học bài ngay không nào?" vào mục đích gì?

- khen
- khẳng định
- chê
- đề nghị

Câu hỏi 9:

Trong các từ sau, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại?

- cá thu
- cá ngừ
- cá quả
- cá song

Câu hỏi 10:

Từ, cụm từ nào chỉ hoạt động không làm cho người khỏe mạnh?

- khiêu vũ
- thể dục
- uống rượu
- bơi

Bài 2. Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN từ thích hợp vào chỗ trống.

Câu hỏi 1:

Dụng cụ xác định phương hướng gồm có một kim nam châm luôn luôn chỉ phương Bắc - Nam, gọi là la

Câu hỏi 2:

Người giáo viên đứng đầu và chịu trách nhiệm chính trong một lớp học, được gọi là giáo viên chủ

Câu hỏi 3:

Ông trạng thả diều chính là Nguyễn Huệ.....

Câu hỏi 4:

Điền từ trái nghĩa với "ngắn" để hoàn thành câu thành ngữ "Bóc ngắn cắn"

Câu hỏi 5:

Vận động viên bắn giỏi, gọi là thiện

Câu hỏi 6:

Một công trình kiến trúc to lớn, đẹp đẽ, gọi làuy nga.

Câu hỏi 7:

Điền âm tr hay ch để tạo từ đúng:ón tìm.

Câu hỏi 8:

Kéo co là trò chơiân gian.

Câu hỏi 9:

Đồng nghĩa với từ "nhân dân" là từ bào.

Câu hỏi 10:

Loại bút có bộ phận chứa mực, khi hết mực phải bơm mực, để mực rỉ dần ra ở đầu ngòi bút khi viết, gọi là bútáy.

Bài 3: Kéo ô vào giỏ chủ đề.



Đồng nghĩa với ý chí

- Bịt mắt bắt dê
- Quyết chí
- Hư hỏng
- Nu na nu nong
- Đù quay
- Chí hướng
- Chơi thuyền
- Kiên cường
- Quyết tâm
- Bền bỉ

Đồng nghĩa với nghị lực

- Bịt mắt bắt dê
- Quyết chí
- Hư hỏng
- Nu na nu nòng
- Bền bỉ
- Chí hướng
- Chơi thuyền
- Kiên cường
- Quyết tâm
- Bền bỉ

Trò chơi dân gian

- Bịt mắt bắt dê
- Quyết chí
- Hư hỏng
- Nu na nu nòng
- Đu quay
- Chí hướng
- Chơi thuyền
- Kiên cường
- Thả đĩa ba ba
- Cầu thị

ĐÁP ÁN

Bài 1: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN từ thích hợp vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Bộ phận chủ ngữ trong câu "Mẹ nấu chè hạt sen." là?

Mẹ

mẹ nấu

mẹ nấu chè

hạt sen

Câu hỏi 2:

Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

giác ngủ

lạc đổ

giải nhất

cát giấu

Câu hỏi 3:

Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

ngoằn nghèo

ngoằn ngoèo

khúc khiu

treo leo

Câu hỏi 4:

Trong câu "Bầu trời đêm là tấm thảm nhung đính chi chít sao kim cương." sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

so sánh

nhân hóa

điệp từ

nhân hóa, so sánh

Câu hỏi 5:

Từ nào đồng nghĩa với từ "vàng hoe" trong câu "Nắng phố huyện vàng hoe."?

vàng nhạt

vàng mười

vàng mã

vàng thau

Câu hỏi 6:

Tìm từ trái nghĩa với từ "đứng" để tạo câu thành ngữ "Kẻ đứng người

..."
nằm
ngồi
chạy
ăn

Câu hỏi 7:

Khoảng trống được đào sâu xuống lòng đất để lấy nước dùng trong sinh hoạt gọi là?

suối
sông
ngòi
giếng

Câu hỏi 8:

Dùng câu hỏi trong câu "Em có học bài ngay không nào?" vào mục đích gì?

khen
khẳng định
chê
đề nghị

Câu hỏi 9:

Trong các từ sau, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại?

cá thu
cá ngừ
cá quả
cá song

Câu hỏi 10:

Từ, cụm từ nào chỉ hoạt động không làm cho người khỏe mạnh?

khiêu vũ
thể dục
uống rượu
bơi

Bài 2. Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN từ thích hợp vào chỗ trống.

Câu hỏi 1:

Dụng cụ xác định phương hướng gồm có một kim nam châm luôn luôn chỉ phương Bắc - Nam, gọi là la

bàn

Câu hỏi 2:

Người giáo viên đứng đầu và chịu trách nhiệm chính trong một lớp học, được gọi là giáo viên chủ nhiệm

Câu hỏi 3:

Ông trạng thả điều chính là Nguyễn Hiê..... n

Câu hỏi 4:

Điền từ trái nghĩa với "ngắn" để hoàn thành câu thành ngữ "Bóc ngắn cắn". dài

Câu hỏi 5:

Vận động viên bắn giỏi, gọi là thiệnạ. x

Câu hỏi 6:

Một công trình kiến trúc to lớn, đẹp đẽ, gọi làuy nga. ng

Câu hỏi 7:

Điền âm tr hay ch để tạo từ đúng:ồn tìm. tr

Câu hỏi 8:

Kéo co là trò chơiân gian. d

Câu hỏi 9:

Đồng nghĩa với từ "nhân dân" là từ bào. đồng

Câu hỏi 10:

Loại bút có bộ phận chứa mực, khi hết mực phải bơm mực, để mực rỉ dần ra ở đầu ngòi bút khi viết, gọi là bútáy. m

Bài 3: Kéo ô vào giỏ chủ đề.



Đồng nghĩa với ý chí

Quyết chí

Chí hướng

Đồng nghĩa với nghị lực

Bền bỉ

Kiên cường

Quyết tâm

Bền bỉ

Trò chơi dân gian

Bịt mắt bắt dê

Nu na nu nong

Đu quay

Thả đĩa ba ba

VÒNG 9

Bài 1 : Em hãy đọc kỹ câu hỏi và **ĐIỀN** vào chỗ trống hoặc **CHỌN 1** trong 4 đáp án cho sẵn. Nếu **CHỌN** đáp án em hãy click chuột vào ô tròn trước đáp án. Nếu **ĐIỀN** vào chỗ trống, em hãy **ĐIỀN** chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học, hoặc phép tính. **Chú ý**, phân số em **ĐIỀN** theo dạng a/b. Nếu là số thập phân em dùng dấu chấm, ví dụ 1.25 và sau khi làm xong 10 câu hỏi em ấn nút nộp bài.

Câu hỏi 1: Trong câu "Mặt đất đã kiệt sức bưng tỉnh dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa âm áp, trong lành." sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

a/ nhân hóa ; b/ so sánh ; c/ so sánh, nhân hóa ; d/ đảo ngữ

Câu hỏi 2: Dùng câu hỏi trong câu "Cậu mới bị cô giáo phạt chứ gì?" vào mục đích gì?

a/ khen ; b/ chê ; c/ khẳng định ; d/ khuyên bảo

Câu hỏi 3: Tìm từ trái nghĩa với từ "khóc" để hoàn thành câu thành ngữ

a/ ăn ; b/ cười ; c/ chạy ; d/ uống

Câu hỏi 4: Từ nào gần nghĩa với từ "dập dìu" trong câu "Từng đoàn người và ngựa dập dìu chìm trong sương núi tím nhạt."

a/ dập dềnh ; b/ bông bênh ; c/ dẫn dắt ; d/ riu rít

Câu hỏi 5: Từ "trắng tinh" thuộc từ loại gì?

a/ động từ ; b/ danh từ ; c/ đại từ ; d/ tính từ

Câu hỏi 6: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

a/ chặc chội ; b/ yêu quý ; c/ mất mát ; d/ vui vẻ

Câu hỏi 7: Từ nào trong các từ sau không cùng nhóm với các từ còn lại?

a/ hoa hồng ; b/ hoa cúc ; c/ hoa điểm mười ; d/ hoa lan

Câu hỏi 8: Trong câu "Bà ngoại sang chơi nhà em." bộ phận chủ ngữ là?

a/ sang chơi ; b/ bà ngoại ; c/ bà ngoại sang ; d/ nhà em

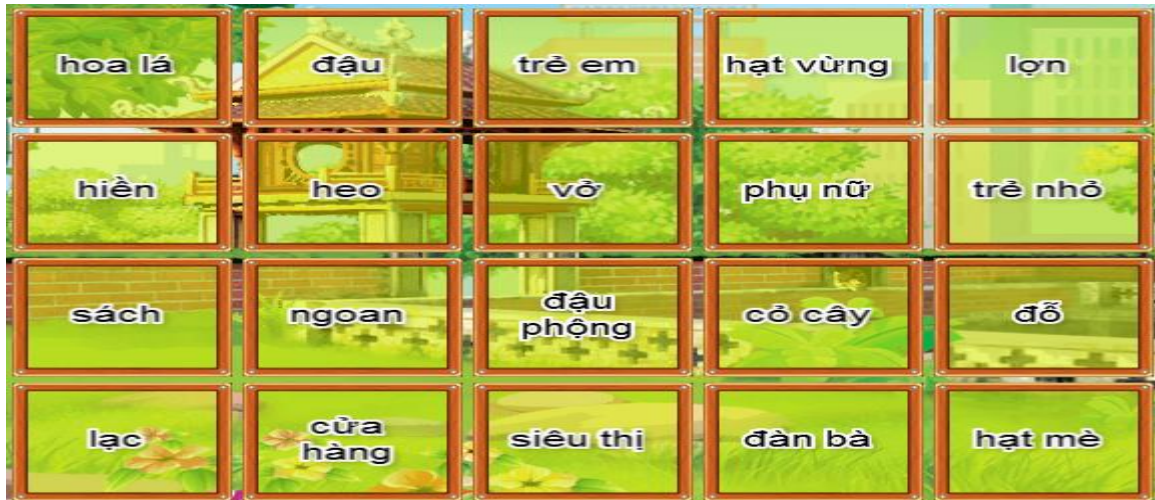
Câu hỏi 9: Trong câu "Ngoài đồng, lúa đã chín vàng." bộ phận trạng ngữ là?

a/ lúa ; b/ ngoài đồng ; c/ chín vàng ; d/ lúa đã

Câu hỏi 10: Trong các từ sau, từ nào chỉ hoạt động nhưng không làm cho người khỏe mạnh ?

a/ tập thể dục ; b/ đá cầu c/ hút thuốc lá ; d/ nhảy dây

Bài 2 : Phép thuật mèo con: (Chọn cặp tương ứng – Cặp đôi)



Bài 3 : Em hãy đọc kỹ câu hỏi và **ĐIỀN** vào chỗ trống hoặc **CHỌN 1** trong 4 đáp án cho sẵn. Nếu **CHỌN** đáp án em hãy click chuột vào ô tròn trước đáp án. Nếu **ĐIỀN** vào chỗ trống, em hãy **ĐIỀN** chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học, hoặc phép tính. Chú ý, phân số em **ĐIỀN** theo dạng a/b. Nếu là số thập phân em dùng dấu chấm, ví dụ 1.25 và sau khi làm xong 10 câu hỏi em ấn nút nộp bài.

Câu hỏi 1: Rừng lớn, có nhiều cây to sống lâu năm, gọi là ại ngàn

Câu hỏi 2: Bài thơ Tre Việt Nam của tác giả Nguyễn .

Câu hỏi 3: Đồng nghĩa với từ "nhân từ" là ái

Câu hỏi 4: Trò chơi gồm có hai đội, đứng về hai phía, mỗi đội cầm vào một đầu sợi dây, khi có hiệu lệnh, mỗi đội kéo sợi dây về phía mình, được gọi là trò chơi kéo

Câu hỏi 5: Chọn tr hay ch điền vào chỗ trống để được từ đúng:
chong óng.

Câu hỏi 6: Tàu chạy trên sông nước, gọi là tàu ụy.

Câu hỏi 7: Từ trái nghĩa với từ "đoàn kết" là chia .

Câu hỏi 8: Từ chỉ người vụng về, chẳng làm được việc gì, gọi là
oảng

Câu hỏi 9: Điền từ trái nghĩa với từ "mất" để hoàn thành câu thành ngữ
"Một mất một òn

Câu hỏi 10: Một trong hai thành phần chính của câu đơn thông thường, nêu
đối tượng là hành động, tính chất, trạng thái được nói rõ trong vị ngữ, được
gọi là ngữ

ĐÁP ÁN

Bài 1 : Em hãy đọc kỹ câu hỏi và **ĐIỀN** vào chỗ trống hoặc **CHỌN 1** trong 4 đáp án cho sẵn. Nếu **CHỌN** đáp án em hãy click chuột vào ô tròn trước đáp án. Nếu **ĐIỀN** vào chỗ trống, em hãy **ĐIỀN** chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học, hoặc phép tính. **Chú ý**, phân số em **ĐIỀN** theo dạng a/b. Nếu là số thập phân em dùng dấu chấm, ví dụ 1.25 và sau khi làm xong 10 câu hỏi em ấn nút nộp bài.

Câu hỏi 1: Trong câu "Mặt đất đã kiệt sức bưng tỉnh dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa âm áp, trong lành." sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

a/ nhân hóa ; b/ so sánh ; c/ so sánh, nhân hóa d/ đảo ngữ

Câu hỏi 2: Dùng câu hỏi trong câu "Câu mới bị cô giáo phạt chứ gì?" vào mục đích gì ?

a/ khen ; b/ chê ; c/ khẳng định ; d/ khuyên bảo

Câu hỏi 3: Tìm từ trái nghĩa với từ "khóc" để hoàn thành câu thành ngữ

a/ ăn ; b/ cười ; c/ chạy ; d/ uống

Câu hỏi 4: Từ nào gần nghĩa với từ "dập dìu" trong câu "Từng đoàn người và ngựa dập dìu chìm trong sương núi tím nhạt."

a/ dập dềnh ; b/ bông bênh ; c/ dẫn dắt ; d/ riu rít

Câu hỏi 5: Từ "trắng tinh" thuộc từ loại gì?

a/ động từ ; b/ danh từ ; c/ đại từ ; d/ tính từ

Câu hỏi 6: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

a/ chặc chội ; b/ yêu quý ; c/ mát mát ; d/ vui vẻ

Câu hỏi 7: Từ nào trong các từ sau không cùng nhóm với các từ còn lại?

a/ hoa hồng b/ hoa cúc c/ hoa điểm mười ; d/ hoa lan

Câu hỏi 8: Trong câu "Bà ngoại sang chơi nhà em." bộ phận chủ ngữ là?

a/ sang chơi ; b/ bà ngoại c/ bà ngoại sang ; d/ nhà em

Câu hỏi 9: Trong câu "Ngoài đồng, lúa đã chín vàng." bộ phận trạng ngữ là?

a/ lúa ; b/ ngoài đồng ; c/ chín vàng ; d/ lúa đã

Câu hỏi 10: Trong các từ sau, từ nào chỉ hoạt động nhưng không làm cho người khỏe mạnh ?

a/ tập thể dục ; b/ đá cầu c/ hút thuốc lá ; d/ nhảy dây

Câu hỏi 1:

Trong câu "Mặt đất đã kiệt sức bưng tênh dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa ầm ập, trong lành." sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

- nhân hóa so sánh so sánh, nhân hóa đảo ngữ

Câu hỏi 2:

Dùng câu hỏi trong câu "Cậu mới bị cô giáo phạt chứ gì ?" vào mục đích gì ?

- khen chê khẳng định khuyên bảo

Câu hỏi 3:

Tìm từ trái nghĩa với từ "khóc" để hoàn thành câu thành ngữ

- ăn cười chạy uống

Câu hỏi 4:

Từ nào gần nghĩa với từ "dập dìu" trong câu "Từng đoàn người và ngựa dập dìu chìm trong sương núi tím nhạt."

- dập dềnh bóng bính dẫn dắt ríu rít

Câu hỏi 5:

Từ "trắng tinh" thuộc từ loại gì?

- động từ danh từ đại từ tính từ

Câu hỏi 6:

Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

- chặc chội yêu quý mát mát vui vẻ

Câu hỏi 7:

Từ nào trong các từ sau không cùng nhóm với các từ còn lại?

- hoa hồng hoa cúc hoa diêm mười hoa lan

Câu hỏi 8:

Trong câu "Bà ngoại sang chơi nhà em." bộ phận chủ ngữ là?

- sang chơi bà ngoại bà ngoại sang nhà em

Câu hỏi 9:

Trong câu "Ngoài đồng, lúa đã chín vàng." bộ phận trạng ngữ là?

- lúa ngoài đồng chín vàng lúa đã

Câu hỏi 10:

Trong các từ sau, từ nào chỉ hoạt động nhưng không làm cho người khỏe mạnh ?

- tập thể dục đá cầu hút thuốc lá nhảy dây

Câu 4: ríu rít ; Câu 8 : Bà ngoại.

Bài 2 : Phép thuật mèo con: (Chọn cặp tương ứng – Cặp đôi)

Trẻ em = trẻ nhỏ ; đậu phộng = lạc ; đậu = đỗ ; phụ nữ = đàn bà ; hạt mè = hạt vừng ; heo = lợn ; hiền = ngoan ; hoa lá = cỏ cây ; cửa hàng = siêu thị ; sách = vở.

Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỂN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn. Nếu CHỌN đáp án em hãy click chuột vào ô tròn trước đáp án. Nếu ĐIỂN vào chỗ trống, em hãy ĐIỂN chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học, hoặc phép tính. Chú ý, phân số em ĐIỂN theo dạng a/b. Nếu là số thập phân em dùng dấu chấm, ví dụ 1.25 và sau khi làm xong 10 câu hỏi em ấn nút nộp bài.

Câu hỏi 1:

Rừng lớn, có nhiều cây to sống lâu năm, gọi là đại ngàn

Câu hỏi 2:

Bài thơ Tre Việt Nam của tác giả Nguyễn Duy.

Câu hỏi 3:

Đồng nghĩa với từ "nhân từ" là nhân ái

Câu hỏi 4:

Trò chơi gồm có hai đội, đứng về hai phía, mỗi đội cầm vào một đầu sợi dây, khi có hiệu lệnh, mỗi đội kéo sợi dây về phía mình, được gọi là trò chơi kéo co

Câu hỏi 5:

Chọn tr hay ch điền vào chỗ trống để được từ đúng: chong ch óng.

Câu hỏi 6:

Tàu chạy trên sông nước, gọi là tàu thủy.

Câu hỏi 7:

Từ trái nghĩa với từ "đoàn kết" là chia rẽ.

Câu hỏi 8:

Từ chỉ người vụng về, chẳng làm được việc gì, gọi là đoảng

Câu hỏi 9:

Điền từ trái nghĩa với từ "mắt" để hoàn thành câu thành ngữ "Một mắt một còn

Câu hỏi 10:

Một trong hai thành phần chính của câu đơn thông thường, nêu đối tượng là hành động, tính chất, trạng thái được nói rõ trong vị ngữ, được gọi là chủ ngữ

VÒNG 10

Bài 1 : Em hãy đọc kỹ câu hỏi và **ĐIỀN** vào chỗ trống hoặc **CHỌN 1** trong 4 đáp án cho sẵn. Nếu **CHỌN** đáp án em hãy click chuột vào ô tròn trước đáp án. Nếu **ĐIỀN** vào chỗ trống, em hãy **ĐIỀN** chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học, hoặc phép tính. **Chú ý, phân số em ĐIỀN theo dạng a/b.** Nếu là số thập phân em dùng dấu chấm, ví dụ 1.25 và sau khi làm xong 10 câu hỏi em ấn nút nộp bài.

Câu hỏi 1: Từ nào đồng nghĩa với từ "vàng hoe" trong câu "Nắng phổ huyện vàng hoe."?

a/ vàng nhạt ; b/ vàng mười ; c/ vàng mã ; d/ vàng thau

Câu hỏi 2: Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

a/ ngoằn nghèo ; b/ ngoằn ngoè ; c/ khúc khiu d/ treo leo

Câu hỏi 3: Từ "cay cay" thuộc từ loại gì?

a/ danh từ ; b/ động từ ; c/ tính từ ; d/ số từ

Câu hỏi 4: Tìm từ trái nghĩa với từ "đứng" để tạo câu thành ngữ "Kẻ đứng người ..."

a/ nằm ; b/ ngồi ; c/ chạy ; d/ ăn

Câu hỏi 5: Trong câu "Bầu trời đêm là tấm thảm nhung đính chi chít sao kim cương." sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

a/ so sánh ; b/ nhân hóa ; c/ điệp từ ; d/ nhân hóa, so sánh

Câu hỏi 6: Khoảng trống được đào sâu xuống lòng đất để lấy nước dùng trong sinh hoạt gọi là?

a/ suối ; b/ sông ; c/ ngòi ; d/ giếng

Câu hỏi 7: Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả

a/ giấc ngủ ; b/ lạc đồ ; c/ giải nhất ; d/ cát giầu

Câu hỏi 8: Dùng câu hỏi trong câu "Em có học bài không nào?" vào mục đích gì?

a/ khen ; b/ khẳng định ; c/ chê ; d/ đề nghị

Câu hỏi 9: Trong các từ sau, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại?

a/ cá thu ; b/ cá ngừ ; c/ cá quả ; d/ cá song

Câu hỏi 10: Từ nào chỉ hoạt động không làm cho người khỏe mạnh?

a/ khiêu vũ ; b/ thể dục ; c/ uống rượu ; d/ bơi

Bài 2 : Chuột vàng tài ba: (Kéo ô vào giỏ chủ đề)



Đồng nghĩa với ý chí:

.....
.....

Đồng nghĩa với nghị lực:

.....
.....

Trò chơi dân gian :

.....
.....

Bài 3 : Em hãy đọc kỹ câu hỏi và **ĐIỀN** vào chỗ trống hoặc **CHỌN** 1 trong 4 đáp án cho sẵn. Nếu **CHỌN** đáp án em hãy click chuột vào ô tròn trước đáp án. Nếu **ĐIỀN** vào chỗ trống, em hãy **ĐIỀN** chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học, hoặc phép tính. Chú ý, phân số em **ĐIỀN** theo dạng a/b. Nếu là số thập phân em dùng dấu chấm, ví dụ 1.25 và sau khi làm xong 10 câu hỏi em ấn nút nộp bài.

Câu hỏi 1: Ông trạng thả diều chính là Nguyễn Hiè.....

Câu hỏi 2: Vận động viên bắn giòi, gọi là thiệnạ.

Câu hỏi 3: Dụng cụ xác định phương hướng gồm có một kim nam châm luôn luôn chỉ phương Bắc - Nam, gọi là la

Câu hỏi 4: Loại bút có bộ phận chứa mực, khi hết mực phải bơm mực, để mực rỉ dần ra ở đầu ngòi bút khi viết, gọi là bútáy.

Câu hỏi 5: Người giáo viên đứng đầu và chịu trách nhiệm chính trong một lớp học, được gọi là giáo viên chủ

Câu hỏi 6: Điền âm tr hay ch để tạo từ đúng.ồn tìm.

Câu hỏi 7: Điền từ trái nghĩa với "ngắn" để hoàn thành câu thành ngữ "Bóc ngắn cần

Câu hỏi 8: Một công trình kiến trúc to lớn, đẹp đẽ, gọi làuy nga.

Câu hỏi 9: Đồng nghĩa với từ "nhân dân" là từ bào.

Câu hỏi 10: Kéo co là trò chơiân gian

ĐỀ THI TRẠNG NGUYỄN 2015 – 2016 _ LỚP 4

VÒNG 10 (18/01/2016)

Bài 1 : Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn. Nếu CHỌN đáp án em hãy click chuột vào ô tròn trước đáp án. Nếu ĐIỀN vào chỗ trống, em hãy ĐIỀN chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học, hoặc phép tính. Chú ý, phân số em ĐIỀN theo dạng a/b. Nếu là số thập phân em dùng dấu chấm, ví dụ 1.25 và sau khi làm xong 10 câu hỏi em ấn nút nộp bài.

Câu hỏi 1:

Từ nào đồng nghĩa với từ "vàng hoe" trong câu "Nắng phố huyện vàng hoe."?

- vàng nhạt vàng mười vàng mã vàng thau

Câu hỏi 2:

Trong các từ sau, từ nào viết đúng chính tả?

- ngoằn nghèo ngoằn ngoèo khúc khĩu treo leo

Câu hỏi 3:

Từ "cay cay" thuộc từ loại gì?

- danh từ động từ tính từ số từ

Câu hỏi 4:

Tìm từ trái nghĩa với từ "dứng" để tạo câu thành ngữ "Kẻ đứng người ..."

- nằm ngồi chạy ăn

Câu hỏi 5:

Trong câu "Bầu trời đêm là tấm thảm nhung đính chỉ chít sao kim cương." sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

- so sánh nhân hóa điệp từ nhân hóa, so sánh

Câu 5: a/ so sánh.

Câu hỏi 6:

Khoảng trống được đào sâu xuống lòng đất để lấy nước dùng trong sinh hoạt gọi là?

- suối sông ngòi giếng

Câu hỏi 7:

Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

- giấc ngủ lặc đố giải nhất cắt giầu

Câu hỏi 8:

Dùng câu hỏi trong câu "Em có học bài không nào?" vào mục đích gì?

- khen khẳng định chê để nghi

Câu hỏi 9:

Trong các từ sau, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại?

- cá thu cá ngừ cá quả cá song

Câu hỏi 10:

Từ nào chỉ hoạt động không làm cho người khỏe mạnh?

- khiêu vũ thể dục uống rượu bơi

Bài 2 : Chuột vàng tài ba: (Kéo ô vào giỏ chủ đề)

Đồng nghĩa với ý chí: chí khí ; chí hướng.

Đồng nghĩa với nghị lực: kiên trì ; kiên cường ; bền bỉ.

**Trò chơi dân gian : chơi chuyền; bịt mắt bắt dê ; nu na nu nống; thả đĩa
ba ba ; ô ăn quan.**

Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỂN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn. Nếu CHỌN đáp án em hãy click chuột vào ô tròn trước đáp án. Nếu ĐIỂN vào chỗ trống, em hãy ĐIỂN chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học, hoặc phép tính. Chú ý, phân số em ĐIỂN theo dạng a/b. Nếu là số thập phân em dùng dấu chấm, ví dụ 1.25 và sau khi làm xong 10 câu hỏi em ấn nút nộp bài.

Câu hỏi 1:

Ông trạng thả diều chính là Nguyễn Hiế n .

Câu hỏi 2:

Vận động viên bắn giồi, gọi là thiện x a.

Câu hỏi 3:

Dụng cụ xác định phương hướng gồm có một kim nam châm luôn luôn chỉ phương Bắc - Nam, gọi là la bàn .

Câu hỏi 4:

Loại bút có bộ phận chứa mực, khi hết mực phải bơm mực, để mực rỉ dẫn ra ở đầu ngòi bút khi viết, gọi là bút m áy.

Câu hỏi 5:

Người giáo viên đứng đầu và chịu trách nhiệm chính trong một lớp học, được gọi là giáo viên chủ nhiệm .

Câu hỏi 6:

Điền âm tr hay ch để tạo từ đúng. tr ốn tìm.

Câu hỏi 7:

Điền từ trái nghĩa với "ngắn" để hoàn thành câu thành ngữ "Bóc ngắn cắn dài .

Câu hỏi 8:

Một công trình kiến trúc to lớn, đẹp đẽ, gọi là ng uy nga.

Câu hỏi 9:

Đồng nghĩa với từ "nhân dân" là từ đồng bào.

Câu hỏi 10:

Kéo co là trò chơi d ân gian

VÒNG 11

Bài 1 : Chuột vàng tài ba: (Kéo ô vào giỏ chủ đề)



* Tài năng:

.....
.....

* Sức khỏe:

.....
.....

* Vẻ đẹp:

.....
.....

Bài 2 : Trâu vàng uyên bác: (Điền chữ hoặc từ thích hợp)

Chim		cá	lặn
------	--	----	-----

Chân	lắm		bùn
------	-----	--	-----

Khỏe	như		Bản	Đôn
------	-----	--	-----	-----

Một	nặng		sương
-----	------	--	-------

Đất	lành		đậu
-----	------	--	-----

Trăm		không	bằng	tay	quen
------	--	-------	------	-----	------

Tốt		hơn	tốt	nước	sơn
-----	--	-----	-----	------	-----

Trăm		không	bằng	một	thấy
------	--	-------	------	-----	------

Cày			cuộc	bấm
-----	--	--	------	-----

Chuột			chính	gạo
-------	--	--	-------	-----

Bài 3 : Em hãy đọc kỹ câu hỏi và **ĐIỀN** vào chỗ trống hoặc **CHỌN 1** trong 4 đáp án cho sẵn. Nếu **CHỌN** đáp án em hãy click chuột vào ô tròn trước đáp án. Nếu **ĐIỀN** vào chỗ trống, em hãy **ĐIỀN** chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học, hoặc phép tính. **Chú ý**, phân số em **ĐIỀN** theo dạng a/b. Nếu là số thập phân em dùng dấu chấm, ví dụ 1.25 và sau khi làm xong 10 câu hỏi em ấn nút nộp bài.

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào đồng nghĩa với từ "thông minh"

a/ cần cù ; b/ sáng dạ ; c/ chịu khó ; d/ chăm chỉ

Câu hỏi 2: Từ "gọn gàng" trong câu: "Các em nhỏ gọn gàng trong bộ đồng phục", thuộc từ loại gì ?

a/ danh từ ; b/ tính từ ; c/ động từ ; d/ đại từ

Câu hỏi 3: Trong câu: "Chị bé nhìn bà, suy nghĩ một chút rồi thì thầm".
thuộc kiểu câu nào ?

a/ Ai là gì? ; b/ Ai thế nào? ; c/ Ai làm gì? ; d/ Ai khi
nào?

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào không cùng có hai thanh sắc ?

a/ xúng xính ; b/ tính toán ; c/ tí toáy ; d/ rộn ràng

Câu hỏi 5: Trong các từ sau, từ nào có tiếng "tài" không cùng nghĩa với các từ còn lại ?

a/ tài giỏi ; b/ tài ba ; c/ tài năng ; d/ tài trợ

Câu hỏi 6: Từ "phi" trong câu: "Ngựa phi nước đại trên thảo nguyên", thuộc từ loại gì ?

a/ tính từ ; b/ danh từ ; c/ đại từ ; d/ động từ

Câu hỏi 7: Bài thơ "Truyện cổ tích về loài người" là của tác giả nào ?

a/ Trần Đăng Khoa ; b/ Xuân Quỳnh ; c/ Phạm Hồ ; d/
Lâm Thị Mỹ Dạ

Câu hỏi 8: Trong câu: "Các chị sinh viên thướt tha trong tà áo dài trắng", bộ phận nào là chủ ngữ ?

a/ các chị sinh viên ; b/ thướt tha ; c/ áo dài ; d/ trắng
tinh

Câu hỏi 9: Từ "phù sa" trong câu: "Sông Hồng đỏ lặng phù sa", thuộc từ loại gì ?

a/ động từ ; b/ tính từ ; c/ danh từ ; d/ quan hệ từ

Câu hỏi 10: Câu: "Trên vỉa hè, người đi lại tấp nập" thuộc kiểu câu nào ?

a/ Ai là gì? ; b/ Ai thế nào? ; c/ Ai làm gì? ; d/ Cái gì,
thế nào?

ĐÁP ÁN

Bài 1 : Chuột vàng tài ba: (Kéo ô vào giỏ chủ đề)



Tài năng: Tài ba ; tài nghệ ; tài hoa.

Sức khỏe: Dẻo dai ; rắn rỏi ; om yếu ; nhẹ nhàng,

Vẻ đẹp: Tuyệt mỹ ; xinh xắn ; xinh đẹp.

Bài 2 : Trâu vàng uyên bác: (Điền chữ hoặc từ thích hợp)

Chim	sa	cá	lặn
-------------	-----------	-----------	------------

Chân	lắm	tay	bùn
-------------	------------	------------	------------

Khỏe	như	voi	Bản	Đôn
-------------	------------	------------	------------	------------

Một	năng	hai	sương
------------	-------------	------------	--------------

Đất	lành	chim	đậu
------------	-------------	-------------	------------

Trăm	hay	không	bằng	tay	quen
------	-----	-------	------	-----	------

Tốt	gỗ	hơn	tốt	nước	sơn
-----	----	-----	-----	------	-----

Trăm	nghe	không	bằng	một	thấy
------	------	-------	------	-----	------

Cày	sâu	cuộc	bấm
-----	-----	------	-----

Chuột	sa	chính	gạo
-------	----	-------	-----

Bài 3 : Em hãy đọc kỹ câu hỏi và **ĐIỀN** vào chỗ trống hoặc **CHỌN 1** trong 4 đáp án cho sẵn. Nếu **CHỌN** đáp án em hãy click chuột vào ô tròn trước đáp án. Nếu **ĐIỀN** vào chỗ trống, em hãy **ĐIỀN** chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học, hoặc phép tính. Chú ý, phân số em **ĐIỀN** theo dạng a/b . Nếu là số thập phân em dùng dấu chấm, ví dụ 1.25 và sau khi làm xong 10 câu hỏi em ấn nút nộp bài.

Câu hỏi 1:

Trong các từ sau, từ nào đồng nghĩa với từ "thông minh"

- cần cù sáng dạ chịu khó chăm chỉ

Câu hỏi 2:

Từ "gọn gàng" trong câu: "Các em nhỏ gọn gàng trong bộ đồng phục", thuộc từ loại gì ?

- danh từ tính từ động từ đại từ

Câu hỏi 3:

Trong câu: "Chị bé nhìn bà, suy nghĩ một chút rồi thì thầm". thuộc kiểu câu nào ?

- Ai là gì? Ai thế nào? Ai làm gì? Ai khi nào?

Câu hỏi 4:

Trong các từ sau, từ nào không cùng có hai thanh sắc ?

- xúng xính tính toán tí toáy rộn ràng

Câu hỏi 5:

Trong các từ sau, từ nào có tiếng "tài" không cùng nghĩa với các từ còn lại ?

- tài giỏi tài ba tài năng tài trợ

Câu hỏi 6:

Từ "phi" trong câu: "Ngựa phi nước đại trên thảo nguyên", thuộc từ loại gì ?

- tính từ danh từ đại từ động từ

Câu hỏi 7:

Bài thơ "Truyện cổ tích về loài người" là của tác giả nào ?

- Trần Đăng Khoa Xuân Quỳnh Phạm Hồ Lâm Thị Mỹ Dạ

Câu hỏi 8:

Trong câu: "Các chị sinh viên thướt tha trong tà áo dài trắng", bộ phận nào là chủ ngữ ?

- các chị sinh viên thướt tha áo dài trắng tinh

Câu hỏi 9:

Từ "phù sa" trong câu: "Sông Hồng đỏ lạng phù sa", thuộc từ loại gì ?

- động từ tính từ danh từ quan hệ từ

Câu hỏi 10:

Câu: "Trên vỉa hè, người đi lại tấp nập" thuộc kiểu câu nào ?

- Ai là gì? Ai thế nào? Ai làm gì? Cái gì, thế nào?

VÒNG 12

Bài 1: Trâu vàng uyên bác. (Điền chữ hoặc từ thích hợp.)

..... lưng **đầu cật**.

..... **Bắc vào Nam**.

Đi sớm **khuya**.

Đi ngược **xuôi**.

Nước sôi **bông**.

Đôi trắng **đen**.

Nhìn **trông rộng**.

Niềm **nỗi buồn**.

Chân cứng **mềm**.

Mình đồng **sắt**.

Bài 2: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐİỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Trong các tính từ sau, từ nào có thể thêm vào chỗ trống để hoàn chỉnh câu thành ngữ có quan hệ so sánh: "..... như rùa".

nhanh

- chậm
- vội
- chạy

Câu hỏi 2:

Ai là người phát minh ra lốp xe đạp bằng cao su?

- Đăn-lốp
- Sô-phanh
- Bét-thô-ven
- Hai-nơ

Câu hỏi 3.

Trong các từ sau, từ nào là từ ghép tổng hợp?

- máy may
- cơm gạo tám
- vung vẩy
- món huế

Câu hỏi 4:

Trong các từ sau, từ nào không phải là từ láy?

- len lỏi
- luồn lách
- lúc liu
- lúng liếng

Câu hỏi 5:

Trong câu: "Đường lên dốc trơn và lầy" bộ phận vị ngữ là gì?

- trơn và lầy
- đường
- dốc
- lầy lội

Câu hỏi 6:

Hoa văn trên trống đồng Đông Sơn có khắc loài chim gì?

- chim én
- chim bồ câu
- chim Lạc

- chim sáo

Câu hỏi 7:

**Trong các từ sau, từ nào dùng để hoàn chỉnh câu thành ngữ:
".....nhà xa ngõ:?"**

- sát
- cạnh
- gần
- ngay

Câu hỏi 8:

Trong các từ sau, từ nào là từ ghép phân loại?

- giấy bút
- sách vở
- thầy cô
- thước kẻ

Câu hỏi 9:

Các từ "gầy còm", "yếu ớt", "loắt choắt", "hom hem" thuộc từ loại gì?

- danh từ
- động từ
- đại từ
- tính từ

Câu hỏi 10:

Trong các từ sau, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại?

- xanh ngắt
- xanh xao
- xanh lơ
- xanh biếc

Bài 3: Phép thuật mèo con. (Chọn cặp tương ứng - Cặp đôi)



Cảm ơn

Đoàn kết

Người chồng

Nhân

Đêm

Ngày

Phi cơ

Phi trường

Lạc quan

Hữu nghị

ĐÁP ÁN

Bài 1: Trâu vàng uyên bác. (Điền chữ hoặc từ thích hợp.)

..... lưng **đầu cật.**

Chung

..... **Bắc** vào Nam.

Ra

Đi sớm **khuya.**

về

Đi ngược **xuôi.**

về

Nước sôi **bông.**

lửa

Đôi trắng **đen.**

thay

Nhìn **trông rộng.**

xa

Niềm **nỗi buồn.**

vui

Chân cứng **mềm.**

đá

Mình đồng **sắt.**

da

Bài 2: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Trong các tính từ sau, từ nào có thể thêm vào chỗ trống để hoàn chỉnh câu thành ngữ có quan hệ so sánh: "..... như rùa".

nhanh

chậm

vội
chạy

Câu hỏi 2:

Ai là người phát minh ra lốp xe đạp bằng cao su?

Dẫn-lốp
Sô-phanh
Bét-thô-ven
Hai-nơ

Câu hỏi 3.

Trong các từ sau, từ nào là từ ghép tổng hợp?

máy may
cơm gạo tấm
vung vẩy
món Huế

Câu hỏi 4:

Trong các từ sau, từ nào không phải là từ láy?

len lỏi
luồn lách
lúc lịu
lúng liếng

Câu hỏi 5:

Trong câu: "Đường lên dốc trơn và lầy" bộ phận vị ngữ là gì?

trơn và lầy
đường
dốc
lầy lội

Câu hỏi 6:

Hoa văn trên trống đồng Đông Sơn có khắc loài chim gì?

chim én
chim bồ câu
chim Lạc
chim sáo

Câu hỏi 7:

Trong các từ sau, từ nào dùng để hoàn chỉnh câu thành ngữ:

".....nhà xa ngõ:?"
sát

cạnh
gần
ngay

Câu hỏi 8:

Trong các từ sau, từ nào là từ ghép phân loại?

giấy bút
sách vở
thầy cô
thước kẻ

Câu hỏi 9:

Các từ "gầy còm", "yếu ớt", "loắt choắt", "hom hem" thuộc từ loại gì?

danh từ
động từ
đại từ
tính từ

Câu hỏi 10:

Trong các từ sau, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại?

xanh ngắt
xanh xao
xanh lơ
xanh biếc

Bài 3: Phép thuật mèo con. (Chọn cặp tương ứng - Cặp đôi)



Cảm ơn

hậu tạ

Đoàn kết

đùm bọc

Người chồng

Phu quân

Nhân

người

Đêm

dạ

Ngày

nhật

Phi cơ

máy bay

Phi trường

sân bay

Lạc quan

vui vẻ

Hữu nghị

bạn bè

VÒNG 13

Bài 1: Trâu vàng uyên bác. (Điền chữ hoặc từ thích hợp)

Nước sôi lửa

Có chí thì

Công cha như Thái Sơn.

Gần thì đen.

..... như rùa.

Vui Tết.

Tre măng mọc.

..... chạy cùng sào.

Học ăn nói.

Nhất quỷ nhì ma thứ học trò.

Bài 2: Chuột vàng tài ba. (Kéo ô vào giỏ chủ đề.)



Du lịch:

- Phong Nha
- thuyền
- nhấp nháy
- Hang Hòn
- lướt ván
- sinh thái
- bầu bĩnh
- leo núi
- bãi tắm
- miệt vườn

Sông nước:

- Phong Nha
- thuyền
- lướt ván
- sinh thái
- leo núi
- bãi tắm
- bến tàu
- chén
- nhũ đá
- miệt vườn

Hang động:

- Phong Nha
- Hang Hòn
- lướt ván
- bầu bình
- leo núi
- bến tàu
- nhũ đá
- miệt vườn
- chén
- bãi tắm

Bài 3: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Trong các từ sau, từ nào đồng nghĩa với từ chân thực?

- nhật thực
- thành thực
- thực phẩm
- thực tế

Câu hỏi 2:

Trong các từ sau, từ nào viết sau chính tả?

- gồ ghề
- ngưng ngưng
- kèm cặp
- kim cương

Câu hỏi 3:

Trong các từ sau, từ nào không phải là từ ghép?

- san sẻ
- phương hướng
- mong mỏi
- xa lạ

Câu hỏi 4:

Trong các từ sau, từ nào có nghĩa là "xanh tươi mỡ màng"?

- xanh ngắt
- xanh mướt
- xanh lam
- xanh thắm

Câu hỏi 5:

Chủ ngữ trong câu "Hôm nay cũng như mọi ngày khác, người Điện Biên ra đón bà con ở Hà Nội mới lên là?"

- Hôm nay
- ra đón bà con
- ở Hà Nội
- Người Điện Biên

Câu hỏi 6:

Tìm từ trái nghĩa với từ "trên" để hoàn thành câu thành ngữ "Kính trên nhường"

- dưới
- cao
- thấp
- trẻ

Câu hỏi 7:

Trong các từ sau, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại?

- siêng năng
- chuyên cần
- ngoan ngoãn
- chăm chỉ

Câu hỏi 8:

Trong các từ sau, từ nào là từ ghép?

- băng khuâng
- mong ngóng
- ồn ào
- cuống quýt

Câu hỏi 9:

Trong các từ sau, từ nào là danh từ?

- cái đẹp
- tươi đẹp
- đáng yêu
- thân thương

Câu hỏi 10:

Trong các từ sau, từ nào là từ ghép phân loại?

- học hỏi
- học tập
- học hành
- học đòi

ĐÁP ÁN

Bài 1: Trâu vàng uyên bác. (Điền chữ hoặc từ thích hợp)

Nước sôi lửa

bông

Có chí thì

nên

Công cha như Thái Sơn.

núi

Gần thì đen.

mực

..... như rùa.

chậm

Vui Tết.

như

Tre măng mọc.

già

..... chạy cùng sào.

Chuột

Học ăn nói.

học

Nhất quỷ nhì ma thứ học trò.

ba

Bài 2: Chuột vàng tài ba. (Kéo ô vào giỏ chủ đề.)



Du lịch:

sinh thái
leo núi
miệt vườn

Sông nước:

thuyền
lướt ván
bãi tắm
bến tàu

Hang động:

Phong Nha
Hang Hòn
nhũ đá

Bài 3: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Trong các từ sau, từ nào đồng nghĩa với từ chân thực?
thành thực

Câu hỏi 2:

Trong các từ sau, từ nào viết sau chính tả?

ngượng ngịu

Câu hỏi 3:

Trong các từ sau, từ nào không phải là từ ghép?

mong mỏi

Câu hỏi 4:

Trong các từ sau, từ nào có nghĩa là "xanh tươi mỡ màng"?

xanh mướt

Câu hỏi 5:

Chủ ngữ trong câu "Hôm nay cũng như mọi ngày khác, người Điện Biên ra đón bà con ở Hà Nội mới lên là?"

Người Điện Biên

Câu hỏi 6:

Tìm từ trái nghĩa với từ "trên" để hoàn thành câu thành ngữ "Kính trên nhường"

dưới

Câu hỏi 7:

Trong các từ sau, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại?

ngoan ngoãn

Câu hỏi 8:

Trong các từ sau, từ nào là từ ghép?

mong ngóng

Câu hỏi 9:

Trong các từ sau, từ nào là danh từ?

cái đẹp

Câu hỏi 10:

Trong các từ sau, từ nào là từ ghép phân loại?

học đòi

VÒNG 14

Bài 1: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Trong câu “Mặt trời mỉm cười với hoa.” có mấy từ phức?

- Ba từ
- Hai từ
- Một từ
- Bốn từ

Câu hỏi 2:

Trạng ngữ trong câu “Ngày xưa, có một chàng mò côi được dân tin cậy giao cho việc xử kiện.” trả lời cho câu hỏi nào?

- Khi nào
- Vì sao
- Ở đâu
- Để làm gì

Câu hỏi 3:

Trạng ngữ trong câu “Ở chiến trường, bệnh sốt rét hoành hành, đồng bào và chiến sĩ cần có ông.” xác định điều gì?

- Nguyên nhân
- Thời gian
- Mục đích
- Nơi chốn

Câu 4:

Bài thơ Đoàn thuyền đánh cá của ai?

- Huy Cận
- Mai Văn Tạo
- Tố Hữu
- Trần Đăng Khoa

Câu số 5:

Trong các từ sau, từ nào chứa tiếng “tài” có nghĩa là tiền của?

- Tài nghệ

- Tài giỏi
- Tài hoa
- Tài sản

Câu số 6:

Trong các câu thành ngữ sau, những thành ngữ nào nói về lòng dũng cảm?

- Ba chìm bảy nổi
- Cày sâu cuốc bẫm
- Gan vàng dạ sắt
- Nhường cơm sẻ áo

Câu số 7:

“Thăm dò, tìm hiểu những nơi xa lạ có thể khó khăn” là nghĩa của từ nào?

- Nguy hiểm
- Thám hiểm
- Mạo hiểm
- Thoát hiểm

Câu số 8:

Chủ ngữ trong câu “Thấp thoáng những cánh buồm trắng.” là gì?

- Thấp thoáng
- Những cánh buồm
- Cánh buồm
- Những cánh buồm trắng

Câu số 9:

Trong các từ sau, từ nào không phải là từ láy?

- Sóng sánh
- Sơ sài
- Sáng sớm
- Sáng sủa

Câu số 10:

Đoàn thuyền đánh cá trong bài Đoàn thuyền đánh cá ra khơi vào lúc nào?

- Bình minh
- Hoàng hôn
- Ban đêm
- Nửa đêm

Bài 2. CHUỘT VÀNG TÀI BA

Hãy kéo ô trống vào giỏ chủ đề sao cho các nội dung tương đồng hoặc bằng nhau.



Ý chí, nghị lực:

-
- Kiên nhẫn
- Mưa xuân
- Kiên trì
- Quả cảm
- Hoa Mai
- Kẹo lạc
- Lì xì Lộc
- Pháo hoa
- Học sinh
- Chăm chỉ

Tết

-

Kiên nhẫn

- Mưa xuân
- Lễ hội
- Kiên trì
- Pháo hoa
- Hoa Mai
- Kẹo lạc
- Lộc
- Lì xì
- Hoa đào

Mùa xuân:

-
- Lễ hội
- Mưa xuân
- Quả cảm
- Hoa Mai
- Kẹo lạc
- Lộc
- Hoa đào
- Pháo hoa
- Học sinh
- Chăm chỉ

Bài 3. PHÉP THUẬT MÈO CON

Hãy ghép hai ô trống chứa nội dung tương đồng hoặc bằng nhau thành cặp đôi.



Bầm

Đồng Đăng

Ba

Bạch

Tuyền

Bát

Biên ải

Xanh ngắt

Sông Hương

ĐÁP ÁN

Bài 1: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và **ĐIỀN** vào chỗ trống hoặc **CHỌN 1** trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Trong câu “Mặt trời mỉm cười với hoa.” có mấy từ phức?

Ba từ

Hai từ

Một từ

Bốn từ

Câu hỏi 2:

Trạng ngữ trong câu “Ngày xưa, có một chàng mồ côi được dân tin cậy giao cho việc xử kiện.” trả lời cho câu hỏi nào?

Khi nào

Vì sao

Ở đâu

Để làm gì

Câu hỏi 3:

Trạng ngữ trong câu “Ở chiến trường, bệnh sốt rét hoành hành, đồng bào và chiến sĩ cần có ông.” xác định điều gì?

Nguyên nhân

Thời gian

Mục đích

Nơi chốn

Câu 4:

Bài thơ Đoàn thuyền đánh cá của ai?

Huy Cận

Mai Văn Tạo

Tố Hữu

Trần Đăng Khoa

Câu số 5:

Trong các từ sau, từ nào chứa tiếng “tài” có nghĩa là tiền của?

Tài nghệ

Tài giỏi

Tài hoa

Tài sản

Câu số 6:

Trong các câu thành ngữ sau, những thành ngữ nào nói về lòng dũng cảm?

Ba chìm bảy nổi
Cày sâu cuốc bẫm
Gan vàng dạ sắt
Nhường cơm sẻ áo

Câu số 7:

“Thăm dò, tìm hiểu những nơi xa lạ có thể khó khăn” là nghĩa của từ nào?

Nguy hiểm
Thám hiểm
Mạo hiểm
Thoát hiểm

Câu số 8:

Chủ ngữ trong câu “Thấp thoáng những cánh buồm trắng.” là gì?

Thấp thoáng
Những cánh buồm
Cánh buồm
Những cánh buồm trắng

Câu số 9:

Trong các từ sau, từ nào không phải là từ láy?

Sóng sánh
Sơ sài
Sáng sớm
Sáng sủa

Câu số 10:

Đoàn thuyền đánh cá trong bài Đoàn thuyền đánh cá ra khơi vào lúc nào?

Bình minh
Hoàng hôn
Ban đêm
Nửa đêm

Bài 2. CHUỘT VÀNG TÀI BA

Hãy kéo ô trống vào giỏ chủ đề sao cho các nội dung tương đồng hoặc bằng nhau.



Ý chí, nghị lực:

Kiên nhẫn

Kiên trì

Quả cảm

Tết

Pháo hoa

Hoa Mai

Lì xì

Hoa đào

Mùa xuân:

Lễ hội

Mưa xuân

Lộc

Bài 3. PHÉP THUẬT MÈO CON

Hãy ghép hai ô trống chứa nội dung tương đồng hoặc bằng nhau thành cặp đôi.



Bầm

Mẹ

Đồng Đăng

Lạng Sơn

Ba

Bố

Bạch

Trắng

Tuyền

Đen

Bát

Chén

Biên ải

Biên giới

Xanh ngắt

Xanh rì

Sông Hương

Huế

VÒNG 15

PHÉP THUẬT MÈO CON

Hãy ghép hai ô trống chứa nội dung tương đồng hoặc bằng nhau thành cặp đôi.



Chợ Bến Thành

Đồng Đăng

Hạ Long

Đồ Sơn

Cầu Thê Húc

Củ sắn

Gà đồng

Tiểu hồ

Mây

Hồ

TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Em hãy giúp Trâu vàng điền chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học hoặc phép tính phù hợp vào ô trống còn thiếu.

Câu hỏi 1. Kính lão thợ.

Câu số 2. Trời sinh voi trời sinh

Câu số 3. như tổ đĩa.

Câu số 4. Mèo lại hoàn

Câu số 5. Tre già mọc.

Câu số 6. Trâu chậm nước đục.

Câu số 7. Uống nhớ nguồn.

Câu số 8. Khôn nhà chợ.

Câu số 9. Ăn không có.

Câu số 10. Có thì nên.

Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN một trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Câu: “Suốt đời, tôi chỉ là một chiếc là nhỏ nhoi bình thường” thuộc kiểu câu nào?

- Ai là gì?
- Ai làm gì?
- Ai thế nào?
- Ai ở đâu?

Câu hỏi 2:

Trong câu thơ: “Sóng đã cài then, đêm sập cửa” có sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

- So sánh
- Nhân hóa
- Đảo ngữ
- Điệp ngữ

Câu số 3:

“Bác sĩ Ly đức độ, hiền từ nhưng nghiêm nghị và cứng rắn” thuộc kiểu câu nào?

- Ai làm gì?
- Ai ở đâu?
- Ai thế nào?
- Ai là ai?

Câu số 4:

Tìm từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong 3 câu sau: bàn thắng chạy..... mát. Một ngày..... trời. Kỷ niệm để.

- đẹp
- tốt

- vui
- xấu

Câu số 5:

**Tìm từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: Một người tài
vẹn toàn?**

- năng
- đức
- hoa
- giới

Câu số 6:

Câu “Bấy giờ tôi còn là một chú bé lên mười” thuộc kiểu câu nào?

- Ai là gì?
- Ai làm gì?
- Ai thế nào?
- Ai ở đâu?

Câu hỏi 7:

**Trong các nhân vật sau, nhân vật nào không thuộc truyện kể “Bốn anh
tài”?**

- Năm Tay Đóng Cọc
- Lầy Tai Tắt Nước
- Sọ Dừa
- Móng Tay Đục Máng

Câu hỏi 8:

Trong các từ sau, từ nào sai chính tả?

- Sầu riêng
- Tháng Giêng
- Sầu diêng
- Củ riêng

Câu hỏi 9:

**Câu: “Mỗi lần đi cắt cỏ, bao giờ tôi cũng tìm bứt một nắm cây mít đất,
khoan thai nằm nhấm nháp”. thuộc kiểu câu nào?**

- Ai là gì?

- Ai ở đâu
- Ai thế nào?
- Ai làm gì?

Câu hỏi 10:

Câu: “Buổi chiều ở làng ven sông yên tĩnh một cách lạ lùng” thuộc kiểu câu nào?

- Ai làm gì?
- Ai thế nào?
- Ai là gì?
- Ai ở đâu?

ĐÁP ÁN

PHÉP THUẬT MÈO CON

Hãy ghép hai ô trống chứa nội dung tương đồng hoặc bằng nhau thành cặp đôi.



Chợ Bến Thành

Sài Gòn

Đồng Đăng

Lạng Sơn

Hạ Long

Quảng Ninh

Đồ Sơn

Hải Phòng

Cầu Thê Húc

Hồ Gươm

Củ sắn

Củ mì

Gà đồng

Ếch

Tiểu hổ

Mèo

Mây

Mưa

Hổ

Chúa sơn lâm

TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Em hãy giúp Trâu vàng điền chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học hoặc phép tính phù hợp vào ô trống còn thiếu.

Câu hỏi 1. Kính lão thợ.

đắc

Câu số 2. Trời sinh voi trời sinh

cỏ

Câu số 3. như tổ đĩa.

Rách

Câu số 4. Mèo lại hoàn

mèo

Câu số 5. Tre già mọc.

măng

Câu số 6. Trâu chậm nước đục.

uống

Câu số 7. Uống nhớ nguồn.

nước

Câu số 8. Khôn nhà chợ.

dại

Câu số 9. Ăn không có.

nói

Câu số 10. Có thì nên.

chí

Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN một trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Câu: “Suốt đời, tôi chỉ là một chiếc là nhỏ nhoi bình thường” thuộc kiểu câu nào?

Ai là gì?

Câu hỏi 2:

Trong câu thơ: “Sóng đã cài then, đêm sập cửa” có sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

Nhân hóa

Câu số 3:

“Bác sĩ Ly đức độ, hiền từ nhưng nghiêm nghị và cứng rắn” thuộc kiểu câu nào?

Ai thế nào?

Câu số 4:

Tìm từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong 3 câu sau: bàn thắng chạy..... mát. Một ngày..... trời. Kỷ niệm để.

đẹp

Câu số 5:

Tìm từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: Một người tài vẹn toàn?

đức

Câu số 6:

Câu “Bấy giờ tôi còn là một chú bé lên mười” thuộc kiểu câu nào?

Ai là gì?

Câu hỏi 7:

Trong các nhân vật sau, nhân vật nào không thuộc truyện kể “Bốn anh tài”?

Sọ Dừa

Câu hỏi 8:

Trong các từ sau, từ nào sai chính tả?

Sầu diêng

Câu hỏi 9:

Câu: “Mỗi lần đi cắt cỏ, bao giờ tôi cũng tìm bứt một nắm cây mít đất, khoan thai nằm nhấm nháp”. thuộc kiểu câu nào?

Ai làm gì?

Câu hỏi 10:

Câu: “Buổi chiều ở làng ven sông yên tĩnh một cách lạ lùng” thuộc kiểu câu nào?

Ai thế nào?

VÒNG 16

TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Em hãy giúp Trâu vàng điền chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học hoặc phép tính phù hợp vào ô trống còn thiếu.

..... như tuyết.

Gần thì đen.

Thức dậy sớm.

Nói ngọt lọt đến

Một mắt còn.

Khôn từ trứng.

Đẹp tiên.

Gan dạ sắt.

Lấp biển vá

Vào sinh ra

CHUỘT VÀNG TÀI BA

Hãy kéo ô trống vào giỏ chủ đề, sao cho nội dung tương đồng hoặc bằng nhau.



Từ chỉ sự không khỏe mạnh:

- Bóng rổ
- Bóng đá
- Gầy gò
- Bụng beo
- Rần ròi
- Săn chắc
- Nhanh trí
- Vạm vỡ
- Hom hem
- Ôm yếu

Môn thể thao:

- Bóng rổ
- Bóng đá
- Gầy gò
- Bụng beo
- Rần ròi
- Săn chắc
- Nhanh trí

- Vạm vỡ
- Ôm yếu
- Nhảy xa

Về ngoài của người khỏe mạnh:

-
- Bóng rổ
- Bóng đá
- Gày gò
- Bụng beo
- Rắn rỏi
- Săn chắc
- Nhanh trí
- Vạm vỡ
- Ôm yếu
- Hom hem

Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Bộ phận “lúc nào cũng đông vui” trong câu “Bến cảng lúc nào cũng đông vui.” trả lời cho câu hỏi nào?

- Ở đâu?
- Thế nào?
- Tại sao?
- Là gì?

Câu hỏi 2:

Người có sức mạnh và lòng hào hiệp, sẵn sàng làm việc nghĩa, được gọi là?

- Dũng sĩ
- Võ sĩ
- Tráng sĩ
- Hiệp sĩ

Câu hỏi 3:

Nơi đâu tại Việt Nam được coi là một thành phố nổi tiếng về rừng thông và thác nước?

- Mũi Né
- Tam Đảo
- Đà Lạt
- Cúc Phương

Câu hỏi 4:

Trong câu “Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng” em có thể thay từ “vi vu” bằng từ gần nghĩa nào sau đây?

- Ngân nga
- Du dương
- Lú lo
- Âm vang

Câu hỏi 5:

Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

- Trong veo
- Trong chèo
- Trong sáng
- Trong lành

Câu hỏi 6:

Từ “thật thà” trong câu sau “Chị Hà rất thật thà.” thuộc từ loại gì?

- Tính từ
- Danh từ
- Động từ
- Đại từ

Câu hỏi 7:

Bộ phận “trong mái lầu son” trong câu “Nàng công chúa, ngồi trong mái lầu son,” trả lời cho câu hỏi nào?

- Thế nào?
- Là gì?
- Ở đâu?
- Làm gì?

Câu hỏi 8:

Trong câu “Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh diều” bộ phận nào giữ chức vụ chủ ngữ?

- Tuổi thơ của tôi được nâng lên
- Tuổi thơ của tôi
- Tuổi thơ
- Những cánh diều

Câu hỏi 9.

Trong các từ sau, từ nào không đồng nghĩa với từ “tài giỏi”?

- Tài ba
- Tài chính
- Tài năng
- Tài tình

Câu hỏi 10.

Nơi đâu được coi là “nóc nhà” của Việt Nam?

- Đỉnh Lũng Cú
- Đỉnh Tam Đảo
- Đỉnh Trường Sơn
- Đỉnh Phan-xi-phăng

ĐÁP ÁN

TRÂU VÀNG UYÊN BÁC

Em hãy giúp Trâu vàng điền chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học hoặc phép tính phù hợp vào ô trống còn thiếu.

..... như tuyết.

Gần thì đen.

Thức dậy sớm.

Nói ngọt lọt đến

Một mắt còn.

Khôn từ trứng.

Đẹp tiên.

Gan dạ sắt.

Lấp biển vá

Vào sinh ra

CHUỘT VÀNG TÀI BA

Hãy kéo ô trống vào giỏ chủ đề, sao cho nội dung tương đồng hoặc bằng nhau.



Từ chỉ sự không khỏe mạnh:

- Gầy gò
- Bùng beo
- Hom hem
- Ốm yếu

Môn thể thao:

-
- Bóng rổ
- Bóng đá
- Nhảy xa

Về ngoài của người khỏe mạnh:

- Rần ròi
- Săn chắc
- Vạm vỡ

Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Bộ phận “lúc nào cũng đông vui” trong câu “Bến cảng lúc nào cũng đông vui.” trả lời cho câu hỏi nào?

- Thế nào?

Câu hỏi 2:

Người có sức mạnh và lòng hào hiệp, sẵn sàng làm việc nghĩa, được gọi là?

- Hiệp sĩ

Câu hỏi 3:

Nơi đâu tại Việt Nam được coi là một thành phố nổi tiếng về rừng thông và thác nước?

- Đà Lạt

Câu hỏi 4:

Trong câu “Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng” em có thể thay từ “vi vu” bằng từ gần nghĩa nào sau đây?

- Du dương

Câu hỏi 5:

Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

- Trong chèo

Câu hỏi 6:

Từ “thật thà” trong câu sau “Chị Hà rất thật thà.” thuộc từ loại gì?

- Tính từ

Câu hỏi 7:

Bộ phận “trong mái lầu son” trong câu “Nàng công chúa, ngồi trong mái lầu son,” trả lời cho câu hỏi nào?

- Ở đâu?

Câu hỏi 8:

Trong câu “Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh diều” bộ phận nào giữ chức vụ chủ ngữ?

- Tuổi thơ của tôi

Câu hỏi 9.

Trong các từ sau, từ nào không đồng nghĩa với từ “tài giỏi”?

- Tài chính

Câu hỏi 10.

Nơi đâu được coi là “nóc nhà” của Việt Nam?

-
- Đỉnh Phan-xi-phăng

VÒNG 17

Bài 1: Phép thuật mèo con.

Hãy ghép hai từ chứa nội dung tương đồng hoặc bằng nhau thành cặp đôi.

Cơ đồ

Khắc phục

Cây sấu đầu

A-kay (tiếng dân tộc Tà-ôi)

Lẽ phải

Bảo vệ đất nước

Chính trực

Cựu

Cây nhút nhát

Cầu khây (tiếng Tày)

Bài 2: Trâu vàng uyên bác.

Em hãy giúp Trâu vàng điền từ, chữ cái, số, ký hiệu hoặc phép tính phù hợp vào chỗ trống.

Mặt hoa phần.

Đi về gần.

Giấy phải giữ lấy lề.

Mẹ tròn vuông.

Tốt hơn lành áo.

Đẹp vàng son mặt mỡ.

Cây không sợ chết đứng.

Ruộng cao trồng màu ruộng cây chiêm.

Ba vạn nghìn ngày.

Tốt gỗ hơn tốt nước

Bài 2. Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

**Trong các từ sau, từ nào phù hợp điền vào chỗ trống trong câu thơ:
"Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Thấy con đường chạy thẳng vào".**

- ngực
- mắt
- xe

- tim

Câu hỏi 2:

**Tìm chủ ngữ trong câu sau: "Ruộng rẫy là chiến trường
Cuộc cày là vũ khí"?**

- Chiến trường
- vũ khí
- Ruộng rẫy, Cuộc cày
- ruộng rẫy

Câu hỏi 3:

Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

- sung sướng
- quanh co
- xào xạc
- xao sác

Câu hỏi 4:

**Từ nào phù hợp với chỗ trống trong đoạn thơ sau:
Ta hát bài ca gọi cá vào
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao
Biển cho ta cá như
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào."**

- Sao sáng
- Ao lớn
- Báo đáp
- Lòng mẹ

Câu hỏi 5:

**Muốn đặt câu cầu khiến ta có thể thêm từ hãy hoặc đừng hoặc chớ vào
đâu?**

- Trước động từ
- Vào cuối câu
- Vào đầu câu
- Không thêm vào

Câu hỏi 6:

Câu: “Dưới đáy rừng, bỗng rực lên những chùm thảo quả đỏ chon chót, như chứa lửa, chứa nắng.” được viết theo cấu trúc nào sau đây?

- Chủ ngữ - trạng ngữ - vị ngữ
- Chủ ngữ - vị ngữ - trạng ngữ
- Trạng ngữ - vị ngữ - chủ ngữ
- Trạng ngữ - chủ ngữ - vị ngữ

Câu hỏi 7:

Nhà thơ nào đã viết những câu thơ sau:

"Không có kính ừ thì ướt áo

Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời

Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa

Mưa ngừng, gió lùa mau khô thôi."

- Phạm Đình Thi
- Phạm Tiến Duật
- Huy Cận
- Hồ Chí Minh

Câu hỏi 8:

Trong các trạng ngữ sau, trạng ngữ nào không chỉ địa điểm (nơi chốn)?

- Trên cánh đồng
- Những ngày qua
- Khắp mọi nơi
- Phía cuối chân đê

Câu hỏi 9:

Từ “suy nghĩ” trong câu “Nó đang suy nghĩ tìm cách vượt qua con suối.” thuộc từ loại nào?

- Danh từ
- Động từ
- Tính từ
- Quan hệ từ

Câu hỏi 10:

Từ loại nào dùng để chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng, khái niệm hoặc đơn vị)?

- Danh từ
- Động từ

- Đại từ
- Tính từ

ĐÁP ÁN

Bài 1: Phép thuật mèo con.

Hãy ghép hai từ chứa nội dung tương đồng hoặc bằng nhau thành cặp đôi.



Cơ đồ

Sự nghiệp

Khắc phục

Vượt qua

Cây sào đầu

Cây xoan

A-kay (tiếng dân tộc Tà-ôi)

Con

Lẽ phải

Chân lý

Bảo vệ đất nước

Quốc phòng

Chính trực

Ngay thẳng

Cụu

Cũ

Cây nhút nhát

Cây xấu hổ

Cầu khây (tiếng Tày)

Chín chỗ xôi

Bài 2: Trâu vàng uyên bác.

Em hãy giúp Trâu vàng điền từ, chữ cái, số, ký hiệu hoặc phép tính phù hợp vào chỗ trống.

Mặt hoa phần.

da

Đi về gần.

xa

Giấy phải giữ lấy lề.

rách

Mẹ tròn vuông.

con

Tốt hơn lành áo.

danh

Đẹp vàng son mặt mỡ.

ngon

Cây không sợ chết đứng.

ngay

Ruộng cao trồng màu ruộng cấy chiêm.

sâu

Ba vạn nghìn ngày.

sáu

Tốt gỗ hơn tốt nước

son

Bài 2. Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Trong các từ sau, từ nào phù hợp điền vào chỗ trống trong câu thơ:

"Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Thấy con đường chạy thẳng vào".

tim

Câu hỏi 2:

**Tìm chủ ngữ trong câu sau: "Ruộng rẫy là chiến trường
Cuộc cày là vũ khí"?**

Ruộng rẫy, Cuộc cày

Câu hỏi 3:

Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

xao sắc

Câu hỏi 4:

Từ nào phù hợp với chỗ trống trong đoạn thơ sau:

Ta hát bài ca gọi cá vào
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao
Biển cho ta cá như
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào."?

Lòng mẹ

Câu hỏi 5:

Muốn đặt câu cầu khiến ta có thể thêm từ hãy hoặc đừng hoặc chớ vào đâu?

Trước động từ

Câu hỏi 6:

Câu: "Dưới đáy rừng, bỗng rục lên những chùm thảo quả đỏ chon chót, như chứa lửa, chứa nắng." được viết theo cấu trúc nào sau đây?

Trạng ngữ - vị ngữ - chủ ngữ

Câu hỏi 7:

Nhà thơ nào đã viết những câu thơ sau:

"Không có kính ừ thì ướt áo
Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời
Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa mau khô thôi."

Phạm Tiến Duật

Câu hỏi 8:

Trong các trạng ngữ sau, trạng ngữ nào không chỉ địa điểm (nơi chốn)?

Những ngày qua

Câu hỏi 9:

Từ “suy nghĩ” trong câu “Nó đang suy nghĩ tìm cách vượt qua con suối.” thuộc từ loại nào?

Động từ

Câu hỏi 10:

Từ loại nào dùng để chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng, khái niệm hoặc đơn vị)?

Danh từ

VÒNG 18

Bài 1: Trâu vàng uyên bác.

Em hãy giúp Trâu vàng điền chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học hoặc phép tính phù hợp vào ô trống còn thiếu.

Lửa thử vàng nan thử sức.

Nhân thập toàn.

Rộng làm kép làm đơn.

Vào ra tử.

Bách niên lão.

Chết còn hơn sống đục.

Ruộng bề bề không bằng trong tay.

Chớ thấy sóng mà rã (ngã) tay chèo

Gan phổi đá.

Nhân định thắng

Bài 2: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Cho câu “Lúc hoàng hôn, Ăng-co Vát thật huy hoàng”, cụm từ “thật huy hoàng” là bộ phận gì?

- trạng ngữ
- chủ ngữ
- vị ngữ
- bổ ngữ

Câu hỏi 2:

**Trong các từ sau, từ nào phù hợp vào chỗ trống trong câu thơ: “Dòng sông mới điệu làm sao
Nắng lên mặc áo lụa đào”**

- thướt tha
- thiết tha
- mới may
- óng ả

Câu hỏi 3:

Đáp án nào dưới đây chỉ chứa toàn là từ ghép phân loại?

- Xanh lè, đỏ thẫm, tím ngắt, vàng óng, trắng hồng.
- Cao vút, trong vắt, to kênh, rộng lớn, thấp tẹt
- Đen kịt, đen sì, đen nhánh, đen láy, đen xám
- Đẹp lão, niềm vui, nỗi buồn, ác thú, ác quỷ.

Câu hỏi 4:

Trong câu: “Chim công khoác trên mình chiếc áo sặc sỡ.”, tác giả đã dùng biện pháp nghệ thuật gì?

- Nhân hóa
- Ẩn dụ
- Điệp từ
- Điệp ngữ

Câu hỏi 5:

Từ nào dưới đây là từ ghép?

- Sáng sủa
- Thành thật
- Thật thà
- Tha thiết

Câu hỏi 6:

Từ "xe" trong câu: "Buổi chiều, xe dừng lại ở một thị trấn nhỏ." giữ chức năng gì?

- trạng ngữ
- vị ngữ
- chủ ngữ
- bổ ngữ

Câu hỏi 7:

Trong các từ sau, từ nào phù hợp vào chỗ trống trong câu thơ: "Những
thằng cu áo đỏ chạy ...

Vài cụ già chống gậy bước lom khom"

- lom khom
- lon xon
- tung tăng
- linh tinh

Câu hỏi 8:

Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

- xa lạ
- lợi lộc
- thảo mộc
- mộc mạc

Câu hỏi 9:

"Tám là một cô bé rất hiếu thảo." thuộc kiểu câu nào?

- Ai thế nào?
- Ai là gì?
- Ai làm gì?
- Ai ở đâu?

Câu hỏi 10:

Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong câu thơ: "Ngỡ từ quả thị bước ra
Bé làm giúp bà xâu kim"

- Thị Nở
- Cô Tiên
- Cô Cám

○ Cô Tấm

Bài 3: Phép thuật mèo con.

Hãy ghép 2 ô trống chứa nội dung tương đồng hoặc bằng nhau thành cặp đôi.



Bàn hàn

Chỉ huy 1 tiểu đội

Làng

Hôm trước phiên chợ

Hồng (tiếng Nam Bộ)

Nhà thơ

Nhiệm vụ cao cả

BRáng (tiếng Nam Bộ)

Hàng tơ, dệt thưa

Hiện minh

ĐÁP ÁN

Bài 1: Trâu vàng uyên bác.

Em hãy giúp Trâu vàng điền chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học hoặc phép tính phù hợp vào ô trống còn thiếu.

Lửa thử vàng nan thử sức.

gian

Nhân thập toàn.

vô

Rộng làm kép làm đơn.

hẹp

Vào ra tử.

sinh

Bách niên lão.

giai

Chết còn hơn sống đục.

trong

Ruộng bề bề không bằng trong tay.

nghè

Chớ thấy sóng mà rã (ngã) tay chèo

cả

Gan phổi đá.

chai

Nhân định thắng

thiên

Bài 2: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Cho câu “Lúc hoàng hôn, Ăng-co Vát thật huy hoàng”, cụm từ “thật huy hoàng” là bộ phận gì?

vị ngữ

Câu hỏi 2:

Trong các từ sau, từ nào phù hợp vào chỗ trống trong câu thơ: “Dòng sông mới điệu làm sao

Nắng lên mặc áo lụa đào”

thướt tha

Câu hỏi 3:

Đáp án nào dưới đây chỉ chứa toàn là từ ghép phân loại?

Đen kịt, đen sì, đen nhánh, đen láy, đen xám

Câu hỏi 4:

Trong câu: “Chim công khoác trên mình chiếc áo sặc sỡ.”, tác giả đã dùng biện pháp nghệ thuật gì?

Nhân hóa

Câu hỏi 5:

Từ nào dưới đây là từ ghép?

Thành thật

Câu hỏi 6:

Từ "xe" trong câu: “Buổi chiều, xe dừng lại ở một thị trấn nhỏ.” giữ chức năng gì?

chủ ngữ

Câu hỏi 7:

Trong các từ sau, từ nào phù hợp vào chỗ trống trong câu thơ: “Những thằng cu áo đỏ chạy ...

Vài cụ già chống gậy bước lom khom”

lon xon

Câu hỏi 8:

Trong các từ sau, từ nào viết sai chính tả?

mộc mặt

Câu hỏi 9:

“Tắm là một cô bé rất hiếu thảo.” thuộc kiểu câu nào?

Ai ở đâu?

Câu hỏi 10:

Điền từ phù hợp vào chỗ trống trong câu thơ: "Ngỡ từ quả thị bước ra Bé làm giúp bà khâu kim"

Cô Tấm

Bài 3: Phép thuật mèo con.

Hãy ghép 2 ô trống chứa nội dung tương đồng hoặc bằng nhau thành cặp đôi.



Bàn hàn

Nghèo khổ

Chỉ huy 1 tiểu đội

Trung sĩ

Làng

ẤP

Hôm trước phiên chợ

ẤP phiên

Hồng (tiếng Nam Bộ)

Không

Nhà thơ

Thi sĩ

Nhiệm vụ cao cả

Sứ mạng

BRáng (tiếng Nam Bộ)

cố gắng

Hàng tư, dệ thừa

the

Hiền minh

Sáng suốt

VÒNG 19

Bài 1: Phép thuật mèo con.

Hãy ghép 2 ô trống chứa nội dung tương đồng hoặc bằng nhau thành cặp đôi.



Con

Khí

Miêu

Chân lý

Nhà thơ

Mộc

Thiên địa

Chuột

Ming nguyệt

Thâm nghiêm

Bài 2: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Hãy lo bền chí câu Dù ai câu chạch, câu rùa mặc ai."

Câu hỏi 2:

Điền từ thích hợp vào chỗ trống: Cùng nghĩa với từ “dũng cảm” là “can đảm”, trái nghĩa với từ dũng cảm là từ

Câu hỏi 3:

Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Lá bàng đang đỏ ngọn cây

Sếu mang lạnh đang bay ngang trời."

Câu hỏi 4:

Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Tiên học lễ, hậu học"

Câu hỏi 5:

Điền tiếng thích hợp vào chỗ trống: Trước sau như một, không gì lay chuyển nổi được gọi là trung

Câu hỏi 6:

Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

“Sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa

Tia nắng nháy hoài trong ruộng lúa”?

Câu hỏi 7:

Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau trong bài “Trống Đồng Đông Sơn”: “Trống đồng Đông Sơn đa dạng không chỉ về hình dáng, kích thước mà cả về phong cách trang trí, sắp xếp hoa văn. Giữa mặt trống bao giờ cũng có hình nhiều cánh tỏa ra xung quanh.”

Câu hỏi 8:

Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

“Người ngắm trăng soi ngoài cửa
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.”

Câu hỏi 9:

Điền tên dấu thích hợp để hoàn thành định nghĩa sau: Dấu chấm báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời nói của một nhân vật hoặc là lời giải thích cho bộ phận đứng trước.

Câu hỏi 10:

Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Người có chí thì nên, nhà có thì vững."

Bài 3. Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn. Nếu CHỌN đáp án em hãy click chuột vào ô tròn trước đáp án.

Câu hỏi 1:

Trong các từ sau, từ nào không cùng kiểu cấu tạo với các từ còn lại?

- luồn lách
- len lỏi
- rì rào
- thừa thớt

Câu hỏi 2:

Đùm bọc, giúp đỡ, nhường nhịn, san sẻ cho nhau trong khó khăn, hoạn nạn, là nghĩa của câu thành ngữ nào?

- Cày sâu cuốc bẫm

- Chân lấm tay bùn
- Ba chìm bảy nổi
- Nhường cơm sẻ áo

Câu hỏi 3:

Tác giả nào đã viết những câu thơ sau:

“Tiếng ngọc trong veo
Chim gieo từng chuỗi
Lòng chim vui nhiều
Hót không biết mỏi.”?

- Huy Cận
- Trần Đăng Khoa
- Phạm Tiến Duật
- Nguyễn Khoa Điềm

Câu hỏi 4:

Nghĩa của “hòa” trong “hòa ước” giống nghĩa của “hòa” trong từ nào dưới đây ?

Câu hỏi 5:

"Thân em xưa ở bụi tre. Mùa đông xếp lại, mùa hè mở ra." Là cái gì?

- Quạt giấy
- Quạt mo
- Quạt điện
- Quạt nan

Câu hỏi 6:

Tác giả nào đã viết những câu thơ sau :

“Mẹ rằng : Quê mẹ, Bảo Ninh
Mênh mông sóng biển, lênh đênh mạn thuyền
Sớm chiều, nước xuống triều lên
Cực thân từ thuở mới lên chín mười.”?

- Huy Cận
- Phạm Tiến Duật
- Tố Hữu
- Nguyễn Khoa Điềm

Câu hỏi 7:

Câu “Cô bé mỉm cười rạng rỡ, chạy vụt đi.” là loại câu gì?

- Câu kể
- Câu khiến
- Câu hỏi
- Câu cảm

Câu hỏi 8:

Trong câu: “Tàu chúng tôi buông neo trong vùng biển khơi”, bộ phận nào là chủ ngữ?

- Tàu chúng tôi
- Chúng tôi
- Biển khơi
- Buông neo

Câu hỏi 9:

Chỉ ra từ khác kiểu cấu tạo với các từ còn lại?

- Liêu xiêu
- Phiêu diêu
- Thiêu thiêu
- Mỹ miều

Câu hỏi 10:

Trạng ngữ “Phía trên bờ đê” trong câu “Phía trên bờ đê, bọn trẻ chẵn trâu thả diều, thổi sáo.” dùng để chỉ gì?

- nguyên nhân
- phương tiện
- thời gian
- nơi chốn

ĐÁP ÁN

Bài 1: Phép thuật mèo con.

Hãy ghép 2 ô trống chứa nội dung tương đồng hoặc bằng nhau thành cặp đôi.



Con

Tử

Khí

Hầu

Miêu

Mèo

Chân lý

Lẽ phải

Nhà thơ

Thi gia

Mộc

Cây

Thiên địa

Trời đất

Chuột

Thử

Ming nguyệt

Trăng sáng

Thâm nghiêm

Sâu kín

Bài 2: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1:

Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Hãy lo bền chí câu Dù ai câu chạch, câu rùa mặc ai."
cua

Câu hỏi 2:

Điền từ thích hợp vào chỗ trống: Cùng nghĩa với từ “dũng cảm” là “can đảm”, trái nghĩa với từ dũng cảm là từ
hèn nhát

Câu hỏi 3:

Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Lá bàng đang đỏ ngọn cây
Sếu mang lạnh đang bay ngang trời."
giang

Câu hỏi 4:

Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

"Tiên học lễ, hậu học"
văn

Câu hỏi 5:

Điền tiếng thích hợp vào chỗ trống: Trước sau như một, không gì lay chuyển nổi được gọi là trung
thành

Câu hỏi 6:

Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:

“Sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa
Tia nắng nháy hoài trong ruộng lúa”?
tía

Câu hỏi 7:

Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau trong bài “Trống Đồng Đông Sơn”: “Trống đồng Đông Sơn đa dạng không chỉ về hình dáng, kích thước mà cả về phong cách trang trí, sắp xếp hoa văn. Giữa mặt trống bao giờ cũng có hình nhiều cánh tỏa ra xung quanh.”
ngôi sao

Câu hỏi 8:

Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:
“Người ngắm trăng soi ngoài cửa
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.”
sổ

Câu hỏi 9:

Điền tên dấu thích hợp để hoàn thành định nghĩa sau: Dấu chấm báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời nói của một nhân vật hoặc là lời giải thích cho bộ phận đứng trước.
hai

Câu hỏi 10:

Điền từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu sau:
"Người có chí thì nên, nhà có thì vững."
nền

Bài 3. Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn. Nếu CHỌN đáp án em hãy click chuột vào ô tròn trước đáp án.

Câu hỏi 1:

Trong các từ sau, từ nào không cùng kiểu cấu tạo với các từ còn lại?
luôn lách
len lỏi
rì rào
thừa thớt

Câu hỏi 2:

Đùm bọc, giúp đỡ, nhường nhịn, san sẻ cho nhau trong khó khăn, hoạn nạn, là nghĩa của câu thành ngữ nào?
Nhường cơm sẻ áo

Câu hỏi 3:

Tác giả nào đã viết những câu thơ sau:

“Tiếng ngọc trong veo
Chim gieo từng chuỗi
Lòng chim vui nhiều
Hót không biết mỏi.”?

Huy Cận

Câu hỏi 4:

Nghĩa của “hòa” trong “hòa ước” giống nghĩa của “hòa” trong từ nào dưới đây ?

Hòa nhau

Hòa tan

Hòa nhạc

Hòa bình

Câu hỏi 5:

"Thân em xưa ở bụi tre. Mùa đông xếp lại, mùa hè mở ra." Là cái gì?
Quạt nan

Câu hỏi 6:

Tác giả nào đã viết những câu thơ sau :
“Mẹ rằng : Quê mẹ, Bảo Ninh
Mệnh mông sóng biển, lênh đênh mạn thuyền
Sớm chiều, nước xuống triều lên
Cực thân từ thuở mới lên chín mười.”?

Tố Hữu

Câu hỏi 7:

Câu “Cô bé mỉm cười rạng rỡ, chạy vụt đi.” là loại câu gì?

Câu kể

Câu hỏi 8:

Trong câu: “Tàu chúng tôi buông neo trong vùng biển khơi”, bộ phận nào là chủ ngữ?

Tàu chúng tôi

Câu hỏi 9:

Chỉ ra từ khác kiểu cấu tạo với các từ còn lại?

Mỹ miều

Câu hỏi 10:

Trạng ngữ “Phía trên bờ đê” trong câu “Phía trên bờ đê, bọn trẻ chăn trâu thả diều, thổi sáo.” dùng để chỉ gì?

nơi chôn